|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **CHÍNH PHỦ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** | |  |
|  | **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | |  |
|  |  |  |
|  |  | \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ | |  |
| Số: | /2020/NĐ-CP | *Hà Nội, ngàytháng* | *năm 2020* |  |

**DỰ THẢO 2**

**NGHỊ ĐỊNH**

**Quy định xử phạt vi phạm hành chính**

**trong lĩnh vực văn hoá và quảng cáo**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009;*

*Căn cứ Luật Điện ảnh ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh ngày 18 tháng 6 năm 2009;*

*Căn cứ Luật Quảng cáo ngày 21 tháng 6 năm 2012; Căn cứ Luật Thư viện ngày 21 tháng 11 năm 2019;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch,*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo.*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nghị định này quy định các hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, các biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính và thẩm quyền xử phạt trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo.
2. Đối với hành vi vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước liên quan đến lĩnh vực văn hóa và quảng cáo không quy định tại Nghị định này thì áp dụng quy định tại các nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khác để xử phạt.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Nghị định này áp dụng đối với:

2

1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo ở Việt Nam và ở nước ngoài;
2. Tổ chức, cá nhân nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo trên lãnh thổ Việt Nam;
3. Người có thẩm quyền lập biên bản và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định này.

2. Tổ chức quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này gồm:

* 1. Cơ quan nhà nước có hành vi vi phạm mà hành vi đó không thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao;
  2. Doanh nghiệp Việt Nam, doanh nghiệp nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam; chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp nước ngoài hoạt động tại Việt Nam;

1. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;
2. Đơn vị sự nghiệp công lập; đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;

đ) Tổ chức xã hội - nghề nghiệp hoạt động trong lĩnh vực văn hóa và quảng

cáo;

1. Tổ chức quốc tế, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam;
2. Cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam, chi nhánh của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam;

h) Các tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật.

1. Cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này là những đối tượng không thuộc quy định tại khoản 2 Điều này.

**Điều 3. Hình thức xử phạt**

1. Các hình thức xử phạt chính

Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo, tổ chức, cá nhân vi phạm phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính sau đây:

1. Cảnh cáo;
2. Phạt tiền.
3. Hình thức xử phạt bổ sung

Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

1. Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;
2. Đình chỉ hoạt động biểu diễn, hoạt động tổ chức biểu diễn, hoạt động của thư viện có thời hạn từ 01 tháng đến 24 tháng;

3

1. Tước quyền sử dụng giấy phép hợp tác, liên doanh sản xuất, cung cấp dịch vụ sản xuất phim; giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ

vũ trường; giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật; chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích; giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích có thời hạn từ 01 tháng đến 24 tháng.

**Điều 4. Biện pháp khắc phục hậu quả**

Tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo, ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt quy định tại Điều 3 Nghị định này còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

1. Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu;
2. Buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép;
3. Buộc tiêu hủy tang vật vi phạm;
4. Buộc cải chính thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn;
5. Buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trên hàng hóa, dịch vụ quảng cáo;
6. Buộc thu hồi sản phẩm, hàng hóa vi phạm;
7. Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính;
8. Buộc trả lại đất đã lấn chiếm hoặc chấm dứt việc sử dụng trái phép di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, công trình văn hóa, nghệ thuật;
9. Buộc trả lại tài nguyên thông tin đã đánh tráo hoặc chiếm dụng;
10. Buộc tháo gỡ, tháo dỡ hoặc xóa quảng cáo;
11. Buộc xin lỗi tổ chức, cá nhân;
12. Buộc hoàn lại số tiền có được do thực hiện hành vi vi phạm;
13. Buộc dỡ bỏ tác phẩm vi phạm dưới hình thức điện tử, trên môi trường mạng và kỹ thuật số;
14. Buộc thu hồi danh hiệu, giải thưởng trao cho cá nhân đạt giải cuộc thi người đẹp, người mẫu; giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật; giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích; chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích; giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường;
15. Buộc dừng kinh doanh trò chơi điện tử, dịch vụ vũ trường không bảo đảm khoảng cách theo quy định;
16. Buộc dừng hoạt động đối với triển lãm, trại sáng tác, cuộc thi, liên hoan, tổ chức lễ hội, cơ sở phổ biến phim, văn phòng đại diện của cơ sở điện ảnh, cơ sở kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường, cơ sở, chi nhánh văn hóa nước ngoài tại Việt Nam;

4

1. Buộc phải đáp ứng cơ sở vật chất, trang thiết bị đối với phòng chiếu phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim;
2. Buộc chấm dứt hoạt động của thư viện.

**Điều 5. Mức phạt tiền và thẩm quyền phạt tiền**

1. Mức phạt tiền tối đa đối với một hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa là 50.000.000 đồng đối với cá nhân và 100.000.000 đồng đối với tổ chức. Mức phạt tiền tối đa đối với một hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quảng cáo là 100.000.000 đồng đối với cá nhân và 200.000.000 đồng đối với tổ chức.
2. Mức phạt tiền quy định tại Chương II và Chương III Nghị định này là mức phạt tiền áp dụng đối với cá nhân, trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2, điểm a khoản 3, điểm b và điểm c khoản 4, điểm c khoản 5 Điều 6; điểm đ khoản 4 Điểu 8; các khoản 1, 2 và 3 Điều 9; Điều 10; điểm a và điểm c khoản 1 và khoản 3 Điều 12; điểm e khoản 2, các điểm a, b, c, d và đ khoản 3, điểm b khoản 6 và các điểm b, c và d khoản 7 Điều 17; Điều 24; Điều 26; Điều 35; Điều 47; Điều 48; Điều 49 Nghị định này là mức phạt tiền áp dụng đối với tổ chức.
3. Đối với cùng một hành vi vi phạm hành chính mức phạt tiền đối với tổ chức gấp 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân.

4. Thẩm quyền phạt tiền của các chức danh có thẩm quyền xử phạt quy định tại Chương IV Nghị định này là thẩm quyền áp dụng đối với hành vi vi phạm hành chính của cá nhân; thẩm quyền phạt tiền đối với tổ chức gấp 2 lần thẩm quyền phạt tiền đối với cá nhân.

**Chương II**

**HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ TRONG LĨNH VỰC VĂN HÓA**

**Mục 1**

**HÀNH VI VI PHẠM VỀ ĐIỆN ẢNH**

**Điều 6. Vi phạm quy định về sản xuất phim**

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
2. Sửa chữa, tẩy xóa làm thay đổi nội dung giấy phép hợp tác, liên doanh sản xuất, cung cấp dịch vụ sản xuất phim;
3. Sản xuất phim có nội dung tiết lộ bí mật đời tư của người khác mà theo quy định của pháp luật phải được sự đồng ý của người đó nhưng nhà sản xuất không xin phép hoặc không được sự đồng ý của người đó.
4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất phim có nội dung vu khống, xúc phạm uy tín của tổ chức, danh dự và nhân phẩm của cá nhân.

5

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
2. Cung cấp dịch vụ sản xuất phim hoặc hợp tác, liên doanh sản xuất phim không đúng nội dung ghi trong giấy phép cung cấp dịch vụ sản xuất phim, hợp tác, liên doanh sản xuất phim;
3. Trích ghép, thêm âm thanh, hình ảnh quảng cáo những mặt hàng cấm quảng cáo vào phim đã được phép phổ biến;
4. Trích ghép, thêm âm thanh, hình ảnh có tính chất khiêu dâm, kích động bạo lực, đồi trụy vào phim đã được phép phổ biến;
5. Thêm, bớt làm sai nội dung phim đã được phép phổ biến.
6. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
7. Sản xuất phim có nội dung khiêu dâm, kích động bạo lực, truyền bá tệ nạn xã hội, hủy hoại môi trường sinh thái, không phù hợp với thuần phong mỹ tục, truyền thống văn hóa Việt Nam;
8. Cung cấp dịch vụ sản xuất phim hoặc hợp tác, liên doanh sản xuất phim mà không có giấy phép;

c) Không thành lập Hội đồng thẩm định kịch bản, Hội đồng thẩm định phim, Hội đồng lựa chọn dự án sản xuất phim; không tổ chức đấu thầu đối với sản xuất phim sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định.

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
2. Sản xuất phim có nội dung đồi trụy;
3. Sử dụng giấy phép hợp tác, liên doanh sản xuất, cung cấp dịch vụ sản xuất phim của cơ sở sản xuất phim khác;
4. Cho cơ sở sản xuất phim khác sử dụng giấy phép hợp tác, liên doanh sản xuất, cung cấp dịch vụ sản xuất phim.
5. Hình thức xử phạt bổ sung:
6. Tước quyền sử dụng giấy phép từ 12 tháng đến 24 tháng đối với hành vi quy định tại điểm c khoản 5 Điều này;
7. Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 5 Điều này.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả

Buộc tiêu hủy tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2, các điểm b, c và d khoản 3, điểm a khoản 4 và điểm a khoản 5 Điều này.

**Điều 7. Vi phạm quy định về phát hành phim**

6

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
2. Bán, cho thuê phim thuộc diện lưu hành nội bộ;
3. Tẩy xoá, sửa đổi nhãn kiểm soát dán trên phim.
4. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi bán, cho thuê phim không dán nhãn kiểm soát.
5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi đánh tráo nội dung phim đã được dán nhãn kiểm soát.
6. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
7. Bán, cho thuê hoặc phát hành phim khi chưa được phép phổ biến;
8. Phát hành phim quá phạm vi được ghi trong giấy phép phổ biến.
9. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi bán, cho thuê hoặc phát hành phim đã có quyết định thu hồi, tịch thu, cấm phổ biến hoặc tiêu huỷ.
10. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này.

* 1. Biện pháp khắc phục hậu quả:

1. Buộc tiêu huỷ tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại các khoản 2 và 3, điểm a khoản 4 và khoản 5 Điều này;
2. Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này.

**Điều 8. Vi phạm quy định về phổ biến phim**

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi phổ biến phim tại nơi công cộng sau 12 giờ đêm đến 8 giờ sáng.
2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
3. Phổ biến tại nơi công cộng phim được lưu trữ trên mọi chất liệu mà không có nhãn kiểm soát;
4. Phổ biến tại nơi công cộng phim không đúng nội dung quy định trong giấy phép phổ biến phim hoặc quyết định phát sóng;
5. Không bảo đảm quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị đối với phòng chiếu phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim trong quá trình hoạt động.
6. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi phổ biến phim chưa được phép phổ biến tại nơi công cộng.

7

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
2. Phổ biến phim đã có quyết định thu hồi, tịch thu, cấm phổ biến, tiêu hủy hoặc có nội dung khiêu dâm, kích động bạo lực, đồi trụy;
3. Phổ biến phim tại nơi công cộng không đúng phạm vi quy định trong giấy phép phổ biến phim hoặc quyết định phát sóng;
4. Phổ biến phim theo quy định phải có cảnh báo mà không có cảnh báo;
5. Phổ biến phim truyện Việt Nam, phim cho trẻ em không bảo đảm về tỉ lệ chiếu và thời gian chiếu theo quy định;

đ) Tổ chức liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận theo quy định.

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi phổ biến phim đã có quyết định thu hồi, tịch thu, cấm phổ biến, tiêu hủy hoặc có nội dung khiêu dâm, kích động bạo lực, đồi trụy trên truyền hình, dưới hình thức điện tử, trên môi trường mạng và kỹ thuật số.
2. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu phương tiện vi phạm đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 4 Điều này.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

1. Buộc tiêu hủy tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại điểm a và điểm b khoản 2, khoản 3, điểm a khoản 4 và khoản 5 Điều này;
2. Buộc dỡ bỏ phim vi phạm dưới hình thức điện tử, trên môi trường mạng và kỹ thuật số đối với hành vi quy định tại điểm a và điểm b khoản 2, khoản 3, điểm a khoản 4 và khoản 5 Điều này;
3. Buộc phải đáp ứng cơ sở vật chất, trang thiết bị đối với phòng chiếu phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim theo quy định đối với hành vi quy định tại điểm c khoản 2 Điều này;
4. Buộc dừng hoạt động phổ biến phim đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 4 và khoản 5 Điều này.

**Điều 9. Vi phạm quy định về lưu chiểu, lưu trữ, nhân bản, tàng trữ**

**phim**

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
2. Không bảo đảm an toàn phim, vật liệu gốc của phim và không bảo quản theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật về lưu trữ phim;
3. Không cung cấp lại bản sao, in trích tư liệu của phim cho cơ sở sản xuất phim theo quy định.

8

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi nộp lưu chiểu, lưu trữ phim không đủ số lượng hoặc không đúng chủng loại theo quy định.
2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không nộp lưu chiểu, lưu trữ phim theo quy định.
3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi nhân bản phim chưa được phép phổ biến.
4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
5. Nhân bản phim đã có quyết định thu hồi, tịch thu, tiêu hủy hoặc cấm phổ

biến;

1. Tàng trữ trái phép phim đã có quyết định thu hồi, tịch thu, tiêu hủy hoặc cấm phổ biến.
2. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu phương tiện vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 4, điểm a khoản 5 Điều này.

1. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc tiêu hủy tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều này.

**Điều 10. Vi phạm quy định về hoạt động của Văn phòng đại diện của cơ sở điện ảnh**

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
2. Văn phòng đại diện của cơ sở điện ảnh nước ngoài tại Việt Nam hoạt động mà không có giấy phép của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
3. Văn phòng đại diện của cơ sở điện ảnh Việt Nam tại nước ngoài hoạt động mà không có văn bản chấp thuận của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc dừng hoạt động của Văn phòng đại diện đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này.

**Mục 2**

**HÀNH VI VI PHẠM VỀ NGHỆ THUẬT BIỂU DIỄN**

**Điều 11. Vi phạm quy định về nhân bản bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu**

1. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi nhân bản bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu chưa được cấp giấy phép phê duyệt nội dung.

9

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
2. Nhân bản bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu đã có quyết định cấm lưu hành hoặc quyết định thu hồi, tịch thu, tiêu hủy.
3. Nhân bản bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu có nội dung khiêu dâm, kích động bạo lực, đồi trụy.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu phương tiện vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

1. Buộc tiêu huỷ tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này;
2. Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

**Điều 12. Vi phạm quy định về sản xuất, dán nhãn kiểm soát, lưu chiểu bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu**

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
2. Sửa chữa, tẩy xóa làm thay đổi nội dung giấy phép phê duyệt nội dung bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu;
3. Không nộp lưu chiểu bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu;
4. Thêm, bớt hình ảnh hoặc âm thanh làm thay đổi nội dung bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu đã được phép lưu hành.
5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi trích ghép, thêm âm thanh, hình ảnh có nội dung vi phạm các quy định của pháp luật vào bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu đã được phép lưu hành.
6. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi dán nhãn kiểm soát không đúng chương trình đã được cấp giấy phép phê duyệt nội dung.
7. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu có nội dung khiêu dâm, kích động bạo lực, truyền bá tệ nạn xã hội; không phù hợp với giá trị, chuẩn mực đạo đức xã hội, thuần phong mỹ tục, truyền thống văn hóa Việt Nam.
8. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu có nội dung đồi trụy.
9. Biện pháp khắc phục hậu quả:

10

Buộc tiêu hủy tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại điểm c khoản 1, khoản 2, khoản 4 và khoản 5 Điều này.

**Điều 13. Vi phạm quy định về bán, cho thuê hoặc lưu hành bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu**

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi bán, cho thuê hoặc lưu hành bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu chưa được cấp giấy phép phê duyệt nội dung.
2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi bán, cho thuê hoặc lưu hành bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu có nội dung đã có quyết định cấm lưu hành hoặc quyết định thu hồi, tịch thu, tiêu huỷ.
3. Biện pháp khắc phục hậu quả:
4. Buộc tiêu hủy tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này;
5. Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

**Điều 14. Vi phạm quy định về tàng trữ, phổ biến bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu**

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi tàng trữ, phổ biến trái phép bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu chưa được phép phổ biến hoặc chưa dán nhãn kiểm soát.
2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi tàng trữ, phổ biến trái phép bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu có nội dung truyền bá tệ nạn xã hội, không phù hợp với giá trị, chuẩn mực đạo đức xã hội, thuần phong mỹ tục, truyền thống văn hóa Việt Nam.
3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi tàng trữ, phổ biến trái phép bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu đã có quyết định cấm phổ biến hoặc quyết định thu hồi, tịch thu, tiêu huỷ.
4. Biện pháp khắc phục hậu quả:
5. Buộc tiêu hủy tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này;
6. Buộc dỡ bỏ nội dung vi phạm dưới hình thức điện tử, trên môi trường mạng và kỹ thuật số đối với hành vi quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này

**Điều 15. Vi phạm quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời**

**trang**

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

11

1. Không thông báo bằng văn bản về nội dung chương trình biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền nơi biểu diễn, trình diễn theo quy định;
2. Không thông báo bằng văn bản về nội dung chương trình biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang của tổ chức nước ngoài đang hoạt động hợp pháp tại Việt Nam đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền nơi đặt trụ sở theo quy định.
3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi tự ý thêm, bớt lời ca, lời thoại hoặc thêm động tác diễn xuất khác với khi duyệt cho phép biểu diễn.
4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
5. Biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang không đúng nội dung ghi trong giấy phép;
6. Sử dụng bản ghi âm để thay cho giọng hát thật của người biểu diễn hoặc thay cho âm thanh thật của nhạc cụ độc diễn;
7. Sử dụng trang phục hoặc hóa trang không phù hợp với mục đích, nội dung biểu diễn, trình diễn và thuần phong mỹ tục, truyền thống văn hóa Việt Nam;
8. Biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang sau 12 giờ đêm đến 8 giờ sáng mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.
9. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
10. Biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang mà không có giấy phép;
11. Tổ chức biểu diễn tác phẩm chưa được phép phổ biến;
12. Biểu diễn tác phẩm chưa được phép phổ biến.
13. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
14. Tổ chức cho tổ chức, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư tại nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang không đúng nội dung ghi trong giấy phép;
15. Tổ chức biểu diễn cho người đã bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấm biểu diễn hoặc trong thời hạn bị đình chỉ hoạt động biểu diễn;
16. Mua, bán, chuyển nhượng, sửa chữa, cho mượn, cho thuê giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang;
17. Ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang hoặc dự thi theo quy định phải có giấy phép mà không có giấy phép;

đ) Phổ biến, lưu hành hình ảnh cá nhân người biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang có nội dung phản cảm, không phù hợp với giá trị, chuẩn mực đạo đức xã hội, thuần phong mỹ tục, truyền thống văn hóa Việt Nam;

12

1. Thực hiện hành vi không phù hợp với thuần phong mỹ tục, truyền thống văn hóa Việt Nam hoặc hành vi làm ảnh hưởng xấu đến quan hệ đối ngoại trong quá trình tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang.
2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
3. Tổ chức cho tổ chức, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư tại nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang mà không có giấy phép;
4. Tổ chức cho người ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang mà không có giấy phép.
5. Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức biểu diễn tác phẩm có nội dung truyền bá tệ nạn xã hội, không phù hợp với thuần phong mỹ tục, truyền thống văn hóa Việt Nam; xúc phạm uy tín của tổ chức, danh dự và nhân phẩm của cá nhân.
6. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức biểu diễn tác phẩm có nội dung khiêu dâm, kích động bạo lực, tác phẩm bị cấm biểu diễn.
7. Phạt tiền từ 35.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với người biểu diễn có một trong các hành vi sau đây:
8. Biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang có nội dung truyền bá tệ nạn xã hội, không phù hợp với thuần phong mỹ tục, truyền thống văn hóa Việt Nam; xúc phạm uy tín của tổ chức, danh dự và nhân phẩm của cá nhân;
9. Biểu diễn tác phẩm có nội dung khiêu dâm, kích động bạo lực, tác phẩm bị cấm biểu diễn.
10. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với người biểu diễn tái phạm một trong các hành vi quy định tại khoản 9 Điều này.

11. Hình thức xử phạt bổ sung:

1. Đình chỉ hoạt động biểu diễn từ 03 tháng đến 06 tháng đối với người biểu diễn có hành vi quy định tại điểm b và điểm c khoản 3, điểm d và điểm e khoản 5, khoản 9 Điều này;
2. Đình chỉ hoạt động tổ chức biểu diễn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với tổ chức có hành vi quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều này;
3. Đình chỉ hoạt động biểu diễn 12 tháng đối với người biểu diễn có hành vi quy định tại khoản 10 Điều này.

12. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc tiêu hủy tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại điểm đ khoản 5 Điều này.

**Điều 16. Vi phạm quy định về thi người đẹp và người mẫu**

13

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
2. Không thông báo bằng văn bản về nội dung chương trình thi người đẹp, người mẫu đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền nơi tổ chức thi theo quy định;
3. Đưa thí sinh dự thi người đẹp, người mẫu không đủ các điều kiện theo quy định.
   1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
4. Xúc phạm uy tín của tổ chức, danh dự và nhân phẩm của thí sinh dự thi người đẹp, người mẫu;
5. Công bố, sử dụng danh hiệu đạt được tại các cuộc thi người đẹp, người mẫu do tham dự trái phép mà có.
   1. Phạt tiền đối với hành vi tổ chức thi người đẹp và người mẫu không đúng nội dung ghi trong giấy phép hoặc đề án tổ chức cuộc thi đã gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép như sau:
6. Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức thi người đẹp và người mẫu cấp tỉnh, ngành, đoàn thể trung ương;
7. Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức thi người đẹp có quy mô vùng;
8. Từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức thi người đẹp và người mẫu có quy mô toàn quốc, người đẹp và người mẫu quốc tế tổ chức tại Việt Nam.
9. Phạt tiền đối với hành vi tổ chức thi người đẹp và người mẫu mà không có giấy phép như sau:
10. Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức thi người đẹp và người mẫu cấp tỉnh, ngành, đoàn thể trung ương;
11. Từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức thi người đẹp có quy mô vùng;
12. Từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức thi người đẹp và người mẫu có quy mô toàn quốc, người đẹp và người mẫu quốc tế tổ chức tại Việt Nam.
13. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
    1. Ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu quốc tế theo quy định phải có giấy phép mà không có giấy phép;
    2. Ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu quốc tế thực hiện hành vi không phù hợp với thuần phong mỹ tục, truyền thống văn hóa Việt Nam hoặc hành
14. làm ảnh hưởng xấu đến hình ảnh Việt Nam và quan hệ đối ngoại;

14

1. Thực hiện hành vi không phù hợp với giá trị, chuẩn mực đạo đức xã hội, thuần phong mỹ tục, truyền thống văn hóa Việt Nam sau khi đạt danh hiệu tại các cuộc thi người đẹp, người mẫu;
2. Không thu hồi danh hiệu đã trao cho cá nhân đạt giải cuộc thi người đẹp, người mẫu khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.
3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đối với hành vi đưa thí sinh ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu mà không có giấy phép.
4. Phạt tiền đối với hành vi không trao, trao không đủ giải thưởng hoặc không cấp giấy chứng nhận cho thí sinh đoạt giải theo đúng cam kết trong Thể lệ cuộc thi và Đề án tổ chức như sau:
5. Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức thi người đẹp và người mẫu cấp tỉnh, ngành, đoàn thể trung ương;
6. Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tổ chức thi người đẹp có quy mô vùng;
7. Từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với tổ chức thi người đẹp, người mẫu có quy mô toàn quốc, người đẹp và người mẫu quốc tế tổ chức tại Việt

Nam.

1. Biện pháp khắc phục hậu quả:
2. Buộc xin lỗi tổ chức, cá nhân đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;
3. Buộc cải chính thông tin đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;
4. Buộc Ban tổ chức hoặc đối tượng tổ chức trong trường hợp Ban tổ chức đã giải thể thu hồi danh hiệu trao cho cá nhân đạt giải cuộc thi người đẹp, người mẫu đối với hành vi quy định tại điểm c và điểm d khoản 5 Điều này;
5. Buộc Ban tổ chức phải trao, trao đủ giải thưởng hoặc cấp giấy chứng nhận đối với hành vi quy định tại khoản 7 Điều này.

**Mục 3**

**HÀNH VI VI PHẠM VỀ TỔ CHỨC LỄ HỘI; KINH DOANH DỊCH VỤ KARAOKE, DỊCH VỤ VŨ TRƯỜNG; HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA VÀ KINH DOANH DỊCH VỤ VĂN HÓA CÔNG CỘNG**

**Điều 17. Vi phạm quy định về tổ chức lễ hội**

* 1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi thắp hương hoặc đốt vàng mã không đúng nơi quy định.
  2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành

1. sau đây:
2. Ném, thả tiền xuống giếng, ao hồ; nói tục, chửi thề, xúc phạm tâm linh gây ảnh hưởng đến không khí trang nghiêm của lễ hội;

15

1. Xả rác bừa bãi làm mất vệ sinh môi trường;
2. Mặc trang phục không lịch sự hoặc không phù hợp với truyền thống văn hóa Việt Nam;

d) Đổi tiền có chênh lệnh giá;

đ) Không báo cáo bằng văn bản kết quả tổ chức lễ hội đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định;

e) Chèo kéo người tham dự lễ hội sử dụng dịch vụ, hàng hóa của mình.

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
2. Không thành lập Ban tổ chức lễ hội theo quy định;
3. Bán vé, thu tiền tham dự lễ hội;
4. Không có nhà vệ sinh hoặc có nhà vệ sinh nhưng không bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định trong khu vực lễ hội, di tích;
5. Không tuyên truyền, giới thiệu mục đích, ý nghĩa, giá trị của lễ hội trên hệ thống loa phát thanh hoặc bảng, biển và các hình thức tuyên truyền khác;

đ) Không thông báo số điện thoại đường dây nóng để tiếp nhận thông tin phản ánh của người tham gia lễ hội;

1. Không niêm yết hoặc bán cao hơn giá niêm yết các dịch vụ, hàng hóa tại khu vực lễ hội.
2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
3. Lợi dụng hoạt động tổ chức lễ hội để trục lợi;
4. Tham gia hoạt động mê tín dị đoan trong lễ hội;
5. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
6. Phục hồi phong tục, tập quán gây ảnh hưởng đến sức khoẻ, nhân cách con người và truyền thống văn hóa Việt Nam;
7. Ép buộc tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp kinh phí tổ chức lễ hội;
8. Tổ chức hoạt động mê tín dị đoan.
9. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
10. Tổ chức lễ hội theo quy định phải thông báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không thông báo;
11. Tổ chức lễ hội sai lệnh với nội dung đã đăng kí hoặc nội dung đã thông báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

16

1. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
2. Tổ chức lễ hội theo quy định phải đăng kí mà không có văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
3. Tổ chức lễ hội truyền thống không đúng với bản chất, ý nghĩa lịch sử, văn

hóa;

1. Thực hiện nghi lễ có tính bạo lực, phản cảm, trái với truyền thống yêu hòa bình, nhân đạo của dân tộc Việt Nam;
2. Không tạm dừng tổ chức lễ hội theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

1. Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại điểm d khoản 2, điểm b và điểm e khoản 3, điểm a khoản 4 và điểm c khoản 5 Điều này;
2. Buộc hoàn lại số tiền có được do thực hiện hành vi quy định tại điểm b khoản 5 Điều này;
3. Buộc dừng tổ chức lễ hội đối với hành vi quy định tại khoản 7 Điều này.

**Điều 18. Vi phạm quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường**

1 Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

1. Kê khai không trung thực trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường;
2. Không nộp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường khi có quyết định thu hồi của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
4. Kinh doanh dịch vụ vũ trường ở địa điểm cách trường học, bệnh viện, cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng, di tích lịch sử - văn hoá không bảo đảm khoảng cách theo quy định;
5. Sử dụng bài hát không được phép phổ biến, lưu hành;
6. Cung cấp dịch vụ vũ trường cho người chưa đủ 18 tuổi;
7. Kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường không đúng thời gian theo quy định;

đ) Sửa chữa, tẩy xóa làm thay đổi nội dung giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường.

17

1. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
2. Kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường không bảo đảm diện tích theo quy định;
3. Đặt chốt cửa bên trong phòng hát karaoke, phòng vũ trường;
4. Đặt thiết bị báo động tại địa điểm kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ

trường;

d) Sử dụng hình ảnh thể hiện trên màn hình trong phòng hát karaoke không phù hợp với văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc Việt Nam;

đ) Cho tổ chức, cá nhân khác sử dụng giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường;

e) Không điều chỉnh giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường trong trường hợp thay đổi về số lượng phòng hoặc chủ sở hữu;

g) Kinh doanh dịch vụ khiêu vũ không đúng nơi quy định.

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
2. Kinh doanh dịch vụ karaoke không có giấy phép;
3. Sử dụng giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke của tổ chức, cá nhân khác để kinh doanh;
4. Không tạm dừng kinh doanh dịch vụ karaoke theo yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
5. Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
6. Kinh doanh dịch vụ vũ trường không có giấy phép;
7. Sử dụng giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường của tổ chức, cá nhân khác để kinh doanh;
8. Không tạm dừng kinh doanh dịch vụ vũ trường theo yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
9. Hình thức xử phạt bổ sung:
   1. Tước quyền sử dụng giấy phép đủ điều kiện doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường từ 12 tháng đến 24 tháng đối với hành vi quy định tại điểm c và điểm

* khoản 3 Điều này;
  1. Tịch thu tang vật đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 4 và điểm b khoản 5 Điều này.

1. Biện pháp khắc phục hậu quả:
2. Buộc thu hồi giấy phép đủ điều kiện kinh doanh đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này;

18

1. Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại điểm e khoản 3, điểm b và điểm c khoản 4, điểm b và điểm c khoản 5 Điều này;
2. Buộc dừng hoạt động kinh doanh đối với hành vi quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều này.

**Điều 19. Vi phạm quy định đối với hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng**

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi treo, trưng bày tranh, ảnh, lịch hay đồ vật khác có nội dung khiêu dâm, kích động bạo lực, đồi trụy tại cơ sở kinh doanh dịch vụ vũ trường, nơi khiêu vũ công cộng, cơ sở kinh doanh dịch vụ karaoke, cơ sở lưu trú du lịch, nhà hàng ăn uống, giải khát hoặc tại nơi hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng khác.
2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
3. Bán hoặc phổ biến tranh, ảnh, văn hóa phẩm khác có nội dung khiêu dâm, kích động bạo lực, đồi trụy, truyền bá tệ nạn xã hội, không phù hợp với thuần phong mỹ tục, truyền thống văn hóa Việt Nam hoặc có nội dung đã có quyết định đình chỉ lưu hành, cấm lưu hành, thu hồi, tịch thu, tiêu hủy của cơ quan có thẩm quyền;
4. Tổ chức các hình thức vui chơi giải trí không đúng thời gian theo quy định, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 18 và điểm a khoản 3 Điều 36 Nghị định này;
5. Sửa chữa, ghép ảnh làm sai lệch nội dung của hình ảnh nhằm mục đích xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng; xúc phạm vĩ nhân, anh hùng dân tộc, lãnh tụ, danh nhân văn hóa; vu khống, xâm hại uy tín của cơ quan, tổ chức, danh dự và nhân phẩm của cá nhân.
6. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi dùng các phương thức phục vụ có tính chất khiêu dâm tại vũ trường, nhà hàng karaoke, cơ sở lưu trú du lịch, nhà hàng ăn uống, giải khát hoặc nơi hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng khác.
7. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi bao che cho các hoạt động có tính chất khiêu dâm, kích động bạo lực, đồi trụy, nhảy múa thoát y tại vũ trường, nơi khiêu vũ công cộng, nhà hàng karaoke, nơi tổ chức hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng khác.
8. Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức cho khách nhảy múa thoát y hoặc tổ chức hoạt động khác mang tính chất đồi trụy tại vũ trường, nơi tổ chức hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng khác, nhà hàng ăn uống, giải khát, nhà hàng karaoke.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

19

Tước quyền sử dụng giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường từ 12 tháng đến 24 tháng đối với hành vi quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều này;

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc tiêu hủy tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 1, điểm a khoản 2 Điều này.

**Mục 4**

**HÀNH VI VI PHẠM VỀ MỸ THUẬT, NHIẾP ẢNH VÀ TRIỂN LÃM**

**Điều 20. Vi phạm quy định về hoạt động mỹ thuật**

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

1. Không thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc tổ chức cuộc thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật theo quy định;
2. Tổ chức cuộc thi, sáng tác tác phẩm mỹ thuật chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận theo quy định;
3. Không gửi báo cáo kết quả cuộc thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định;
4. Kê khai không trung thực các tài liệu, giấy tờ trong hồ sơ thông báo hoặc đề nghị cấp phép tổ chức triển lãm mỹ thuật.
5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
6. Tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật không đúng với nội dung đã thông báo;
7. Tổ chức triển lãm mỹ thuật chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép theo quy định.
8. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
9. Tổ chức triển lãm mỹ thuật, trại sáng tác điêu khắc không đúng nội dung ghi trong giấy phép;
10. Không làm lại thủ tục xin cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật theo quy

định;

1. Tổ chức xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép theo quy định.
2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Tổ chức triển lãm mỹ thuật mà không có giấy phép;

20

1. Tổ chức trại sáng tác điêu khắc mà không có giấy phép;
2. Sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ nhằm mục đích kinh doanh hoặc đặt ở nơi công cộng mà không có giấy phép, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 5 Điều này;
3. Sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ không bảo đảm sự tôn kính;

đ) Tổ chức cuộc thi, sáng tác tác phẩm mỹ thuật khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền không chấp thuận.

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
2. Triển lãm những tác phẩm mỹ thuật, những sản phẩm nghệ thuật khác thuộc loại cấm phổ biến;
3. Xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng không đúng nội dung ghi trong giấy phép;
4. Xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng không có giấy phép;

d) Xây dựng công trình mỹ thuật có nội dung khiêu dâm, kích động bạo lực, đồi trụy hoặc không đúng mẫu đã được phê duyệt.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

1. Buộc dừng triển lãm, trại sáng tác, cuộc thi, sáng tác đối với hành vi quy định tại điểm a và điểm b khoản 1, khoản 2, điểm a và điểm b khoản 3, các điểm a, b và đ khoản 4 và khoản 5 Điều này;
2. Buộc tiêu hủy tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại điểm c và điểm d khoản 4, điểm a khoản 5 Điều này;
3. Buộc tháo dỡ phần tượng đài, tranh hoành tráng không đúng nội dung ghi trong giấy phép đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 5 Điều này;
4. Buộc tháo dỡ tượng đài, tranh hoành tráng và công trình mỹ thuật đối với hành vi quy định tại điểm c và điểm d khoản 5 Điều này.

**Điều 21. Vi phạm quy định về hoạt động nhiếp ảnh**

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
2. Không thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc tổ chức vận động sáng tác, trại sáng tác, thi, liên hoan tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam theo quy định;
3. Không thông báo lại trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong văn bản đã thông báo theo quy định;
4. Không thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài dự thi, liên hoan theo quy định;

21

1. Kê khai không trung thực các tài liệu, giấy tờ trong hồ sơ thông báo hoặc hồ sơ đề nghị cấp phép tổ chức triển lãm nhiếp ảnh.
2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép theo quy định.
3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
4. Tổ chức triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam, từ Việt Nam ra nước ngoài không đúng nội dung ghi trong giấy phép;
5. Không làm thủ tục xin cấp lại giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam theo quy định.
6. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam mà không có giấy phép theo quy định.
7. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
8. Đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm mà không có giấy phép theo quy định;
9. Triển lãm những tác phẩm nhiếp ảnh thuộc loại cấm phổ biến, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này.
10. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh có nội dung khiêu dâm, kích động bạo lực, đồi trụy tại Việt Nam.
11. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật đối với hành vi quy định tại khoản 4, điểm a khoản 5 Điều

này.

1. Biện pháp khắc phục hậu quả:
2. Buộc dừng hoạt động sáng tác, thi, liên hoan, triển lãm đối với hành vi quy định tại các điểm a, b và c khoản 1, các khoản 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này;
3. Buộc tiêu hủy tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 5, khoản 6 Điều này.

**Điều 22. Vi phạm quy định về hoạt động triển lãm**

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền về tổ chức triển

lãm;

1. Không thông báo lại trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong văn bản đã thông báo theo quy định;

22

1. Kê khai không trung thực các tài liệu, giấy tờ trong hồ sơ thông báo hoặc đề nghị cấp phép tổ chức triển lãm.
2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức triển lãm nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép triển lãm theo quy định.
3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
4. Tổ chức triển lãm tại Việt Nam không đúng nội dung ghi trong giấy phép;
5. Đưa tác phẩm, hiện vật, tài liệu ra nước ngoài triển lãm không đúng nội dung ghi trong giấy phép;

c) Không làm thủ tục xin cấp lại giấy phép triển lãm tại Việt Nam theo quy

định.

1. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức triển lãm tại Việt Nam mà không có giấy phép theo quy định.
2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi đưa tác phẩm, hiện vật, tài liệu ra nước ngoài triển lãm mà không có giấy phép theo quy định.
3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi triển lãm mà tác phẩm, hiện vật, tài liệu, địa điểm triển lãm không đáp ứng các điều kiện theo quy định.
4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc dừng triển lãm đối với hành vi quy định tại điểm a và điểm b khoản 1, các khoản 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này;

1. Buộc tiêu hủy tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 6 Điều

này.

1. Hành vi quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này không áp dụng đối với triển lãm quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26/2/2019 của Chính phủ quy định hoạt động triển lãm.

**Mục 5**

**HÀNH VI VI PHẠM VỀ DI SẢN VĂN HÓA**

**VÀ CÔNG TRÌNH VĂN HÓA, NGHỆ THUẬT**

**Điều 23. Vi phạm quy định về bảo vệ công trình văn hóa, nghệ thuật, di sản văn hóa**

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi viết, vẽ, làm bẩn hoặc làm ô uế di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, công trình văn hóa, nghệ thuật.

23

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

1. Phổ biến và thực hành sai lệch nội dung di sản văn hoá phi vật thể hoặc tùy tiện đưa vào những yếu tố mới không phù hợp làm giảm giá trị di sản văn hóa phi vật thể;
2. Tuyên truyền, giới thiệu sai lệch nội dung, giá trị di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh.
3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
4. Làm hư hại hiện vật trong bảo tàng, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh;
5. Không đăng ký bảo vật quốc gia với cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc không thông báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi thay đổi chủ sở hữu bảo vật quốc gia;
6. Sửa chữa, tẩy xóa Bằng xếp hạng di tích lịch sử - văn hoá hoặc Giấy chứng nhận di sản văn hóa phi vật thể đã được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.
7. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
8. Làm hư hại công trình văn hóa, nghệ thuật;
9. Làm bản sao di vật để kinh doanh mà không có giấy phép.
10. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
11. Làm hư hại nghiêm trọng hiện vật trong bảo tàng, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; làm hư hại nghiêm trọng công trình văn hóa, nghệ thuật;

b) Xây dựng công trình bảo vệ và phát huy giá trị di tích ở khu vực bảo vệ II mà không có văn bản đồng ý của cơ quan có thẩm quyền;

1. Lợi dụng việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa để trục lợi, hoạt động mê tín dị đoan.
2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
3. Hủy hoại, làm thay đổi yếu tố gốc cấu thành di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh;
4. Lấn chiếm đất đai thuộc di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh;
5. Sử dụng trái phép di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, công trình văn hóa, nghệ thuật;

24

d) Làm bản sao cổ vật, bảo vật quốc gia để kinh doanh mà không có giấy

phép;

đ) Mua, bán, trao đổi, vận chuyển trái phép trên lãnh thổ Việt Nam di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia có nguồn gốc bất hợp pháp.

7. Hình thức xử phạt bổ sung:

1. Tịch thu phương tiện vi phạm đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 4, điểm d và điểm đ khoản 6 Điều này;
2. Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 4, điểm d và điểm đ khoản 6 Điều này.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

* 1. Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi quy định tại khoản

1. Điều này;
   1. Buộc trả lại đất đã lấn chiếm hoặc chấm dứt việc sử dụng trái phép di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, công trình văn hóa, nghệ thuật đối với hành vi quy định tại điểm b và điểm c khoản 6 Điều này;
   2. Buộc tháo dỡ công trình đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 5 Điều

này;

* 1. Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại điểm b khoản 4, điểm c khoản 5, điểm đ và điểm đ khoản 6 Điều này.

**Điều 24. Vi phạm quy định về điều kiện kinh doanh giám định cổ vật**

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi kê khai không trung thực các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật.
2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật theo quy định.
3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi tẩy xóa, sửa chữa làm thay đổi nội dung giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật.
4. Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không có trang thiết bị, phương tiện thực hiện giám định phù hợp với lĩnh vực đã đăng ký theo quy định.
5. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng đối với hành vi không bảo đảm số lượng tối thiểu chuyên gia giám định cổ vật về chuyên ngành trong quá trình hoạt động kinh doanh giám định cổ vật theo quy định.

25

1. Phạt tiền từ 35.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi kinh doanh giám định cổ vật mà không có giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật theo quy định.
   1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
2. Cho cơ sở kinh doanh khác sử dụng giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật;
3. Sử dụng giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật của cơ sở khác.
4. Hình thức xử phạt bổ sung:
5. Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 3 và điểm b khoản 7 Điều này;
6. Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi quy định tại khoản 5 Điều này;
7. Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 7 Điều này.
8. Biện pháp khắc phục hậu quả:
9. Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều này
10. Buộc thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này.

**Điều 25. Vi phạm quy định về chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích**

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi kê khai không trung thực các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích.
2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không làm thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích theo quy định, trừ trường hợp chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích hết hạn sử dụng.
3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi tẩy xóa, sửa chữa làm thay đổi nội dung chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích.

4. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

1. Hành nghề tu bổ di tích mà không có chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích theo quy định;
2. Sử dụng chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích của người khác;
3. Sử dụng chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích hết hạn;

26

1. Cho người khác sử dụng chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

1. Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 3, điểm b và điểm c khoản 4 Điều này;
2. Tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi quy định tại điểm d khoản 4 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

1. Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này;
2. Buộc thu hồi chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này.

**Điều 26. Vi phạm quy định về giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích**

* 1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi kê khai không trung thực các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích.
  2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích theo quy định, trừ trường hợp giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích hết hạn sử dụng.
  3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi tẩy xóa, sửa chữa làm thay đổi nội dung giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích.
  4. Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không bảo đảm số lượng tối thiểu người được cấp chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích trong quá trình hoạt động theo quy định.
  5. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích hết hạn.
  6. Phạt tiền từ 35.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi hành nghề tu bổ di tích mà không có giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích theo quy định hoặc sử dụng giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích của tổ chức khác.
  7. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

1. Cho tổ chức khác sử dụng giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ

di tích;

1. Sử dụng giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích của cơ sở khác để hành nghề.

27

1. Hình thức xử phạt bổ sung:
2. Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi quy định tại khoản 4 Điều này;
3. Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 7 Điều này;

c) Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 3, khoản 5 và điểm b khoản 7 Điều này.

1. Biện pháp khắc phục hậu quả:
2. Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều này;
   1. Buộc thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này.

**Điều 27. Vi phạm quy định về khai quật khảo cổ, bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh**

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
2. Thăm dò, khai quật khảo cổ không đúng nội dung ghi trong giấy phép;
3. Bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh không đúng nội dung quy hoạch, dự án và thiết kế kỹ thuật đã được phê duyệt.
4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
5. Thăm dò, khai quật khảo cổ không có giấy phép;
6. Bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh mà không có văn bản đồng ý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
7. Sưu tầm, nghiên cứu di sản văn hóa phi vật thể ở Việt Nam mà không thực hiện đúng nội dung đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam cho phép.
8. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi sưu tầm, nghiên cứu di sản văn hóa phi vật thể ở Việt Nam mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam cho phép.
9. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi đào bới, trục vớt trái phép tại các địa điểm khảo cổ.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm có được do thực hiện hành vi quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

28

Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 và khoản 4 Điều này.

**Điều 28. Vi phạm quy định về khai báo, giao nộp di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia được phát hiện**

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không tự giác khai báo, cố tình chiếm đoạt di vật được phát hiện.
2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi không tự giác khai báo, cố tình chiếm đoạt cổ vật, bảo vật quốc gia được phát hiện.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

**Mục 6**

**HÀNH VI VI PHẠM VỀ THƯ VIỆN Điều 29. Vi phạm quy định cấm trong hoạt động thư viện**

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
2. Đánh tráo tài nguyên thông tin;
3. Chiếm dụng tài nguyên thông tin;
4. Cung cấp thông tin trái quy định về người sử dụng dịch vụ thư viện.
5. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
6. Hạn chế quyền tiếp cận và sử dụng tài nguyên thông tin của người sử dụng thư viện trái với quy định của pháp luật, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định này;
7. Làm hư hỏng tài nguyên thông tin.
8. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi hủy hoại tài nguyên thông tin.
9. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
10. Cung cấp tài nguyên thông tin thuộc bí mật nhà nước trái quy định;
11. Xâm nhập trái phép vào hệ thống thông tin thư viện, cơ sở dữ liệu thư

viện;

c) Làm sai lệch, gián đoạn hệ thống thông tin thư viện, cơ sở dữ liệu thư

viện.

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi phá hoại hệ thống thông tin thư viện, cơ sở dữ liệu thư viện.

29

1. Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi lợi dụng hoạt động thư viện để xuyên tạc chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc; kích động bạo lực, gây thù hằn giữa các dân tộc, tôn giáo; tuyên truyền chiến tranh xâm lược; phá hoại thuần phong mỹ tục; lôi kéo người sử dụng thư viện vào tệ nạn xã hội.
2. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động thư viện từ 12 tháng đến 24 tháng đối với hành vi quy định tại khoản 6 Điều này.

1. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc trả lại tài nguyên thông tin đã đánh tráo hoặc chiếm dụng quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này.

**Điều 30. Vi phạm quy định về hoạt động của thư viện**

* 1. Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi không thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc thành lập, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, chấm dứt hoạt động thư viện theo quy định.
  2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không bảo đảm một trong các điều kiện thành lập thư viện trong quá trình hoạt động theo quy định.
  3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi hoạt động thư viện khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền không đồng ý theo quy định.
  4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với tái phạm hành

1. quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.
   1. Biện pháp khắc phục hậu quả:
2. Buộc bảo đảm điều kiện thành lập theo quy định đối với hành vi quy định tại khoản 2 Điều này;
3. Buộc chấm dứt hoạt động của thư viện đối với hành vi quy định tại khoản 4 Điều này.

**Điều 31. Vi phạm quy định về trách nhiệm của thư viện**

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
2. Ép buộc thư viện hoạt động trái với chức năng, nhiệm vụ của thư viện;
3. Cản trở thư viện trong việc trao đổi tài nguyên thông tin hoặc tham gia hệ thống thông tin thư viện trong nước và nước ngoài theo quy định;
4. Ép buộc thư viện cung cấp thông tin trái với quy định;
5. Thu phí, giá từ việc cung cấp dịch vụ thư viện trái với quy định;

đ) Không thực hiện chế độ báo cáo theo quy định;

30

1. Không công bố nội quy, hướng dẫn sử dụng thư viện;
2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
3. Không bảo đảm quyền tiếp cận thông tin và sử dụng dịch vụ thư viện theo quy định;
4. Không công khai, minh bạch về tài nguyên thông tin theo quy định;
5. Không tổ chức dịch vụ thư viện hoặc không bố trí thời gian phục vụ phù hợp với điều kiện sinh hoạt, làm việc, học tập của người sử dụng thư viện;
6. Không tổ chức hoặc từ chối phục vụ tài nguyên thông tin hạn chế sử

dụng;

đ) Tiếp nhận tài trợ, việc trợ, tặng cho, đóng góp trái với quy định.

1. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại điểm d khoản 1 và điểm đ khoản 2 Điều này.

**Điều 32. Vi phạm quy định về nghĩa vụ của người làm công tác thư viện**

Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

1. Không tạo điều kiện hoặc hạn chế người sử dụng thư viện tiếp cận, sử dụng tài nguyên thông tin và tiện ích thư viện;
2. Phân biệt đối xử với người sử dụng thư viện.
3. Không hỗ trợ, hướng dẫn, trang bị kĩ năng tìm kiếm, khai thác và sử dụng thông tin cho người sử dụng thư viện;
4. Ứng xử trái với quy tắc ứng xử nghề nghiệp thư viện.

**Điều 33. Vi phạm quy định về nghĩa vụ của người sử dụng thư viện**

1. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong các hành vi

sau đây:

1. Không chấp hành nội quy của thư viện;
2. Không thanh toán phí làm thẻ và sử dụng dịch vụ thư viện theo quy định.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc hoàn trả số tiền đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

**Mục 7**

**HÀNH VI VI PHẠM KHÁC TRONG LĨNH VĂN HÓA**

31

**Điều 34. Vi phạm quy định về công bố, phổ biến tác phẩm ra nước ngoài (chuyển sang phạt theo bản quyền)**

1. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi công bố, phổ biến tác phẩm nhiếp ảnh, mỹ thuật, sân khấu, âm nhạc ra nước ngoài theo quy định phải có giấy phép mà không có giấy phép.
2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi công bố, phổ biến tác phẩm điện ảnh ra nước ngoài theo quy định phải có giấy phép mà không có giấy phép.
3. Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi công bố, phổ biến tác phẩm nhiếp ảnh, mỹ thuật, sân khấu, âm nhạc thuộc loại cấm công bố, phổ biến.
4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi công bố, phổ biến tác phẩm điện ảnh ra nước ngoài thuộc loại cấm công bố, phổ biến.

**Điều 35. Vi phạm quy định về thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam**

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
2. Không báo cáo bằng văn bản với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định về kết quả hoạt động trong năm hoặc khi có yêu cầu;
3. Không thông báo tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền nơi đặt chi nhánh và nơi dự kiến tổ chức các hoạt động về nội dung hoạt động và thời hạn ủy quyền cho chi nhánh.
4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
5. Không thông báo tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền nơi đặt trụ sở về người đại diện theo pháp luật, người quản lý, nhân viên và thời gian bắt đầu hoạt động, kết thúc làm việc của người đại diện theo pháp luật, người quản lý và nhân viên;
6. Tổ chức hoạt động không đúng nội dung ghi trong giấy chứng nhận đăng kí thành lập và hoạt động hoặc giấy phép thành lập và hoạt động.
7. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập và hoạt động, giấy phép thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam hoặc giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh theo quy định.
8. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không có giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh theo quy định.
9. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25. 000.000 đồng đối với hành vi không có giấy chứng nhận đăng kí thành lập và hoạt động hoặc giấy phép thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam.

32

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

1. Buộc dừng tổ chức hoạt động không đúng nội dung ghi trong giấy chứng nhận đăng kí thành lập và hoạt động hoặc giấy phép thành lập và hoạt động đối với cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam có hành vi quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;
2. Buộc dừng hoạt động đối với chi nhánh của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam có hành vi quy định tại khoản 4 Điều này;
3. Buộc dừng hoạt động đối với cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam có hành vi quy định tại khoản 5 Điều này.

**Điều 36. Vi phạm quy định đối với hoạt động phương tiện vui chơi, giải trí dưới nước**

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với người tham gia hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước mà không mặc áo phao theo quy định.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

1. Người lái phương tiện vui chơi giải trí dưới nước chưa đủ 15 tuổi hoặc không bảo đảm sức khỏe theo quy định;
2. Người lái phương tiện vui chơi giải trí dưới nước không có giấy chứng nhận lái phương tiện hoặc chưa được hướng dẫn về kỹ năng an toàn theo quy định;
3. Người lái phương tiện vui chơi giải trí dưới nước không mặc áo phao trong suốt thời gian tham gia hoạt động vui chơi giải trí;
4. Không neo, đậu phương tiện vui chơi, giải trí đúng khu vực quy định.
5. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
6. Để phương tiện vui chơi, giải trí dưới nước hoạt động quá giờ được phép;
7. Không bố trí khu vực neo đậu cho phương tiện vui chơi, giải trí dưới

nước.

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
2. Sử dụng người lái phương tiện vui chơi, giải trí dưới nước có động cơ tổng công suất máy chính từ 5 sức ngựa trở lên mà không có giấy chứng nhận lái phương tiện;
3. Không hướng dẫn về kỹ năng an toàn cho người lái phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 5 sức ngựa trở xuống;
4. Không bố trí đầy đủ áo phao, thiết bị cứu sinh theo quy định;
5. Không có cảnh báo, chỉ dẫn về điều kiện khí hậu, sức khỏe, khuyến cáo về các trường hợp không được tham gia hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước;

33

đ) Không bố trí báo hiệu hoặc phao và cờ hiệu theo quy định;

1. Đưa phương tiện vui chơi, giải trí dưới nước vào hoạt động khi không bảo đảm các điều kiện theo quy định;
2. Tổ chức cho phương tiện vui chơi, giải trí dưới nước hoạt động ngoài vùng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận hoặc công bố.

**Điều 37. Vi phạm quy định về sản xuất, lưu hành băng, đĩa trò chơi điện**

**tử**

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức trò chơi điện tử có nội dung khiêu dâm, kích động bạo lực.
2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
3. Tổ chức trò chơi điện tử có nội dung đồi trụy;
4. Bán, cho thuê băng, đĩa trò chơi điện tử có nội dung khiêu dâm, kích động bạo lực, đồi trụy.
5. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất băng, đĩa trò chơi điện tử có nội dung khiêu dâm, kích động bạo lực.
6. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất băng, đĩa trò chơi điện tử có nội dung đồi trụy.
7. Biện pháp khắc phục hậu quả:
8. Buộc tiêu hủy tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này;
9. Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này.

**Điều 38. Vi phạm quy định về văn hóa, thể thao và du lịch cho người khuyết tật, người cao tuổi**

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi từ chối cung cấp dịch vụ, trang thiết bị phục vụ người khuyết tật, người cao tuổi tham gia hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch.
2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện việc miễn, giảm giá vé, giá dịch vụ cho người khuyết tật và người cao tuổi khi tham gia hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch theo quy định.
3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi từ chối để người khuyết tật, người cao tuổi tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao của người khuyết tật, người cao tuổi khi có đủ điều kiện.
4. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi cung cấp dịch vụ, trang thiết bị phục vụ không bảo đảm an toàn cho người khuyết tật, người cao tuổi khi tham gia hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch.

34

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại khoản 2 Điều này.

**Chương III**

**XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ**

**BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ TRONG LĨNH VỰC QUẢNG CÁO**

**Mục 1**

**HÀNH VI VI PHẠM VỀ NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**TRONG LĨNH VỰC QUẢNG CÁO**

**Điều 39. Vi phạm quy định về quảng cáo sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cấm quảng cáo**

1. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
2. Quảng cáo thuốc lá;
   1. Quảng cáo rượu có nồng độ cồn từ 15 độ trở lên;
      1. Quảng cáo sản phẩm sữa thay thế sữa mẹ dùng cho trẻ dưới 24 tháng tuổi; thức ăn bổ sung dùng cho trẻ dưới 06 tháng tuổi; bình bú và vú ngậm nhân tạo dưới mọi hình thức; sử dụng hình ảnh bào thai hoặc trẻ nhỏ trong quảng cáo sữa dùng cho phụ nữ mang thai;
3. Quảng cáo thuốc kê đơn; thuốc không kê đơn nhưng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền khuyến cáo hạn chế sử dụng hoặc sử dụng có sự giám sát của thầy thuốc;

đ) Quảng cáo các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cấm quảng cáo khác.

1. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
2. Quảng cáo hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh theo quy định;
3. Quảng cáo các loại sản phẩm, hàng hóa có tính chất kích dục;
4. Quảng cáo súng săn và đạn súng săn, vũ khí thể thao và các loại sản phẩm, hàng hóa có tính chất kích động bạo lực.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc tháo gỡ, tháo dỡ hoặc xóa quảng cáo đối với hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

**Điều 40. Vi phạm quy định về hành vi cấm trong hoạt động quảng cáo**

1. Phạt tiền đối với hành vi treo, đặt, dán, vẽ quảng cáo các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trên cột điện, trụ điện, cột tín hiệu giao thông và cây xanh nơi công cộng như sau:

35

1. Từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với người treo, đặt, dán, vẽ quảng cáo các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
2. Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với người có sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ quảng cáo.
3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
4. Quảng cáo có sử dụng các từ ngữ “nhất”, “duy nhất”, “tốt nhất”, “số một” hoặc từ ngữ có ý nghĩa tương tự mà không có tài liệu hợp pháp chứng minh theo quy định;
5. Quảng cáo làm ảnh hưởng đến mỹ quan, trật tự an toàn giao thông, an toàn xã hội, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, khoản 1 và khoản 3 Điều 51, khoản 2 Điều 53, khoản 3 Điều 56 Nghị định này;
6. Quảng cáo có tính chất kỳ thị dân tộc, phân biệt chủng tộc; xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo; định kiến về giới; định kiến về người khuyết tật;
7. Ép buộc cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện quảng cáo hoặc tiếp nhận quảng cáo trái ý muốn.
8. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
9. Quảng cáo sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ vi phạm quyền sở hữu trí tuệ theo quy định;
10. Quảng cáo có sử dụng hình ảnh, lời nói, chữ viết của cá nhân khi chưa được cá nhân đó đồng ý, trừ trường hợp được pháp luật cho phép.
11. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
12. Lợi dụng quảng cáo để xúc phạm uy tín của tổ chức, danh dự và nhân phẩm của cá nhân;
13. Quảng cáo có nội dung so sánh trực tiếp về giá cả, chất lượng, hiệu quả sử dụng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của mình với giá cả, chất lượng, hiệu quả sử dụng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cùng loại của tổ chức, cá nhân khác;
14. Quảng cáo có nội dung tạo cho trẻ em có suy nghĩ, lời nói, hành động trái với đạo đức, thuần phong mỹ tục; gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, an toàn hoặc sự phát triển bình thường của trẻ em;
15. Quảng cáo có nội dung trái với truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục Việt Nam.
16. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
17. Quảng cáo sai sự thật, không đúng quy cách, chất lượng, công dụng, nhãn hiệu, kiểu dáng, chủng loại, bao bì, xuất xứ, chỉ dẫn địa lý, phương thức phục vụ,

36

thời hạn sử dụng, thời hạn bảo quản, bảo hành của hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 58, điểm d khoản 3 Điều 59, điểm a khoản 2 Điều 62, khoản 1 Điều 68 và khoản 1 Điều 69 Nghị định này;

1. Quảng cáo lừa dối, gây nhầm lẫn cho công chúng, người tiêu dùng, khách hàng về tổ chức, cá nhân, sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được quảng cáo với tổ chức, cá nhân, sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ khác hoặc lừa dối, gây nhầm lẫn về tính năng, tác dụng của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được quảng cáo, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 59, điểm b khoản 4 Điều 60 Nghị định này;
2. Quảng cáo gây thiệt hại cho người sản xuất, kinh doanh và người tiếp nhận quảng cáo;
3. Sử dụng hình ảnh bản đồ Việt Nam trong quảng cáo mà không thể hiện đầy đủ chủ quyền quốc gia;

đ) Sử dụng hình ảnh đồng tiền Việt Nam trong quảng cáo.

1. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 90.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
2. Quảng cáo gây ảnh hưởng xấu đến sự tôn nghiêm đối với Quốc kỳ, Quốc huy, Quốc ca, Đảng kỳ, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 53 Nghị định này;
3. Quảng cáo gây ảnh hưởng xấu đến sự tôn nghiêm đối với anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa, lãnh tụ, lãnh đạo Đảng, Nhà nước, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 53 Nghị định này.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

1. Buộc tháo gỡ, tháo dỡ hoặc xóa quảng cáo đối với hành vi quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này;
2. Buộc xin lỗi tổ chức, cá nhân đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 4 Điều này;
3. Buộc cải chính thông tin đối với hành vi quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều này.

**Điều 41. Vi phạm các quy định về tiếng nói, chữ viết trong quảng**

**cáo**

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
2. Quảng cáo sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ mà không thể hiện bằng tiếng Việt, trừ những trường hợp nhãn hiệu hàng hóa, khẩu hiệu, thương hiệu, tên riêng bằng tiếng nước ngoài; các từ ngữ đã được quốc tế hóa không thể thay thế bằng tiếng Việt; sách, báo, trang thông tin điện tử và các ấn phẩm được phép xuất bản bằng tiếng dân tộc thiểu số Việt Nam, tiếng nước ngoài;

37

chương trình phát thanh, truyền hình bằng tiếng dân tộc thiểu số Việt Nam, tiếng nước ngoài;

1. Quảng cáo sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ mà thể hiện khổ chữ nước ngoài vượt quá ba phần tư khổ chữ tiếng Việt và không đặt bên dưới chữ tiếng Việt trong trường hợp trên cùng một sản phẩm quảng cáo có sử dụng cả tiếng Việt và tiếng nước ngoài, trừ trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 56 Nghị định này;
2. Quảng cáo sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ mà không đọc tiếng Việt trước tiếng nước ngoài trong trường hợp trên cùng một sản phẩm quảng cáo có sử dụng cả tiếng Việt và tiếng nước ngoài khi phát trên đài phát thanh, truyền hình hoặc trên các phương tiện nghe nhìn, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 58, khoản 2 Điều 59 và khoản 1 Điều 60 Nghị định này.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc tháo gỡ, tháo dỡ hoặc xóa quảng cáo đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này.

**Điều 42. Vi phạm các quy định về quảng cáo rượu, bia có độ cồn dưới 5,5 độ, rượu có độ cồn từ 5,5 độ đến dưới 15 độ và bia có độ cồn từ 5,5 độ trở lên, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 Nghị định này**

1. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng người chưa đủ 18 tuổi trực tiếp tham gia vào việc quảng cáo rượu, bia.
2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi quảng cáo rượu có độ cồn dưới 15 độ và quảng cáo bia sau đây:
3. Có thông tin, hình ảnh nhằm khuyến khích uống rượu, bia; thông tin có nội dung, hình ảnh thể hiện rượu, bia có tác dụng tạo sự trưởng thành, thành đạt, thân thiện, hấp dẫn về giới tính; hướng đến trẻ em, học sinh, sinh viên, thanh niên, phụ nữ mang thai;
4. Sử dụng vật dụng, hình ảnh, biểu tượng, âm nhạc, nhân vật trong phim, nhãn hiệu sản phẩm dành cho trẻ em, học sinh, sinh viên; sử dụng hình ảnh của người chưa đủ 18 tuổi trong quảng cáo rượu, bia;
5. Quảng cáo trong các sự kiện, trên các phương tiện quảng cáo, sản phẩm dành cho người chưa đủ 18 tuổi, học sinh, sinh viên, thanh niên, phụ nữ mang thai;
6. Quảng cáo trên phương tiện giao thông;

đ) Quảng cáo trên báo nói, báo hình ngay trước, trong và ngay sau chương trình dành cho trẻ em; trong thời gian từ 18 giờ đến 21 giờ hằng ngày, trừ trường hợp được phép theo quy định của pháp luật;

1. Quảng cáo trên phương tiện quảng cáo ngoài trời vi phạm quy định về kích thước, khoảng cách đặt phương tiện quảng cáo tính từ khuôn viên của

38

cơ sở giáo dục, cơ sở, khu vực chăm sóc, nuôi dưỡng, vui chơi, giải trí dành cho người chưa đủ 18 tuổi theo quy định của pháp luật;

1. Quảng cáo không có cảnh báo để phòng, chống tác hại của rượu, bia theo quy định của pháp luật;
2. Quảng cáo trên báo điện tử, trang thông tin điện tử, phương tiện điện tử, thiết bị đầu cuối và thiết bị viễn thông khác mà không có hệ thống công nghệ chặn lọc, phần mềm kiểm soát tuổi của người truy cập để ngăn ngừa người chưa đủ 18 tuổi tiếp cận, truy cập, tìm kiếm thông tin về rượu, bia.
3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
4. Quảng cáo trong các chương trình, hoạt động văn hóa, sân khấu, điện ảnh, thể thao;
5. Quảng cáo trên các phương tiện quảng cáo ngoài trời, trừ biển hiệu của cơ sở kinh doanh rượu, bia.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động quảng cáo rượu, bia có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi quy định tại điểm h khoản 2 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc loại bỏ yếu tố vi phạm đối với hành vi quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.

**Điều 43. Vi phạm các quy định về điều kiện quảng cáo**

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
2. Không có các tài liệu chứng minh về sự hợp chuẩn, hợp quy theo quy định khi quảng cáo cho các loại sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 58 Nghị định này;
3. Không có Giấy chứng nhận quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng theo quy định khi quảng cáo tài sản.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc tháo gỡ, tháo dỡ hoặc xóa quảng cáo đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này.

**Điều 44. Vi phạm các quy định về thuê người kinh doanh dịch vụ quảng cáo**

Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ và hoạt động của tổ chức, cá nhân nước ngoài không hoạt động tại Việt Nam mà không thuê người kinh doanh dịch vụ quảng cáo của Việt Nam thực hiện

39

**Mục 2**

**HÀNH VI VI PHẠM VỀ QUẢNG CÁO TRÊN BÁO CHÍ, SẢN PHẨM IN, PHƯƠNG TIỆN ĐIỆN TỬ, THIẾT BỊ ĐẦU CUỐI VÀ CÁC THIẾT BỊ**

**VIỄN THÔNG KHÁC**

**Điều 45. Vi phạm các quy định về quảng cáo trên báo điện tử và trang thông tin điện tử**

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
2. Không thông báo theo quy định về tên, địa chỉ, tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ quảng cáo Việt Nam thực hiện dịch vụ quảng cáo cho chủ sở hữu trang thông tin điện tử của tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh dịch vụ quảng cáo xuyên biên giới;
3. Không báo cáo theo quy định về hoạt động thực hiện dịch vụ quảng cáo của tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ quảng cáo Việt Nam thực hiện dịch vụ quảng cáo cho chủ sở hữu trang thông tin điện tử của tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh dịch vụ quảng cáo xuyên biên giới;
4. Quảng cáo trực tiếp trên trang thông tin điện tử của tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh dịch vụ quảng cáo xuyên biên giới mà không thông qua tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ quảng cáo đã đăng ký hoạt động hợp pháp tại Việt

Nam.

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi thiết kế, bố trí phần quảng cáo lẫn vào phần nội dung tin.
2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
3. Không thiết kế để độc giả có thể chủ động tắt hoặc mở quảng cáo không ở vùng cố định;
4. Thời gian chờ tắt hoặc mở quảng cáo không ở vùng cố định vượt quá 1,5

giây.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc tháo gỡ quảng cáo đối với hành vi quy định tại khoản 2 Điều này.

**Điều 46. Vi phạm quy định về quảng cáo trên phương tiện điện tử, thiết bị đầu cuối và các thiết bị viễn thông khác**

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
   1. Gửi thư điện tử, tin nhắn nhằm cung cấp thông tin về sản phẩm, dịch vụ khi chưa được sự đồng ý của người nhận;
   2. Quảng cáo bằng gửi tin nhắn, thư điện tử quảng cáo không được sự đồng

* trước đó của người nhận;

40

1. Gửi thư điện tử, tin nhắn quảng cáo mà phần thông tin cho phép người nhận từ chối không đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định, không bảo đảm cho người nhận có khả năng từ chối quảng cáo;
2. Gửi thư điện tử, tin nhắn quảng cáo không đầy đủ thông tin về người gửi hoặc thông tin về nhà cung cấp dịch vụ gửi theo quy định;

đ) Không chấm dứt ngay việc gửi tin nhắn, thư điện tử quảng cáo khi người nhận thông báo từ chối quảng cáo;

e) Thu phí dịch vụ đối với thông báo từ chối quảng cáo của người nhận.

1. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi quảng cáo của nhà cung cấp dịch vụ thông tin điện tử, viễn thông sau đây:
2. Gửi tin nhắn quảng cáo đến điện thoại sau 22 giờ đến trước 7 giờ sáng

hôm sau;

1. Gửi quá ba tin nhắn quảng cáo đến một số điện thoại hoặc quá ba thư điện tử đến một địa chỉ thư điện tử trong vòng 24 giờ, trừ trường hợp có thỏa thuận khác với người nhận.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại điểm e khoản 1 Điều này.

**Điều 47. Vi phạm các quy định về quảng cáo trên báo in**

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
2. Ra phụ trương quảng cáo mà không thông báo bằng văn bản với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định;
3. Phụ trương quảng cáo không đánh số riêng; không cùng khuôn khổ với trang báo chính; không phát hành cùng trang báo chính;
4. Quảng cáo trên bản tin.
5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo trên bìa một của tạp chí, trang nhất của báo.
6. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
7. Quảng cáo quá diện tích theo quy định trên một ấn phẩm báo, tạp chí, trừ báo, tạp chí chuyên quảng cáo;
8. Không có dấu hiệu phân biệt quảng cáo với các nội dung khác;
9. Không thể hiện tên tờ báo; tên, địa chỉ của cơ quan báo chí; dòng chữ “Phụ trương quảng cáo không tính vào giá bán” trên trang một của phụ trương quảng cáo.

**Điều 48. Vi phạm quy định về quảng cáo trên báo nói, báo hình**

41

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo trên báo nói, báo hình mà không có dấu hiệu phân biệt nội dung quảng cáo với các nội dung khác.
2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
3. Quảng cáo sản phẩm bằng hình thức chạy chữ hoặc chuỗi hình ảnh chuyển động mà sản phẩm quảng cáo không đặt sát phía dưới màn hình hoặc vượt quá 10% chiều cao màn hình và gây ảnh hưởng tới các nội dung chính trong chương trình;
4. Quảng cáo băng vệ sinh, bao cao su, thuốc chữa bệnh ngoài da, thuốc tẩy giun sán, dung dịch vệ sinh phụ nữ và các loại sản phẩm hàng hóa tương tự trên đài phát thanh, đài truyền hình trong khoảng thời gian từ 18 giờ đến 20 giờ hàng ngày.
5. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
6. Quảng cáo vượt quá 10% tổng thời lượng chương trình phát sóng một ngày của tổ chức phát sóng không phải là kênh, chương trình chuyên quảng cáo;
7. Quảng cáo trong chương trình thời sự;
8. Quảng cáo trong chương trình phát thanh, truyền hình trực tiếp về các sự kiện chính trị đặc biệt, kỷ niệm các ngày lễ lớn của dân tộc;
9. Quảng cáo quá hai lần trong mỗi chương trình phim truyện trên đài truyền

hình;

đ) Quảng cáo quá bốn lần trong mỗi chương trình vui chơi, giải trí trên đài phát thanh, đài truyền hình;

1. Quảng cáo một lần quá 5 phút trong chương trình phim truyện, chương trình vui chơi, giải trí trên đài phát thanh, đài truyền hình;
2. Quảng cáo trên truyền hình trả tiền quá 5% tổng thời lượng chương trình phát sóng một ngày của tổ chức phát sóng không phải là kênh, chương trình chuyên quảng cáo;
3. Chiếu toàn bộ nội dung phim để quảng cáo khi chưa có giấy phép phổ biến phim của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc chưa có quyết định phát sóng của của người đứng đầu đài truyền hình, đài phát thanh - truyền hình.
4. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi ra kênh, chương trình chuyên quảng cáo mà không có giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này.

**Điều 49. Vi phạm quy định về quảng cáo trên sản phẩm in**

42

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo không ghi tên, địa chỉ, tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ quảng cáo hoặc người quảng cáo, số lượng in, nơi in trên tranh, ảnh, áp-phích, ca-ta-lô, tờ rời, tờ gấp và các sản phẩm in khác hoặc không phải xuất bản phẩm, trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều này.
2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
3. Đặt biểu trưng, lô-gô, nhãn hiệu hàng hóa của người quảng cáo không đúng quy định;
4. Quảng cáo vượt quá diện tích theo quy định trên tranh, ảnh, áp-phích, ca-ta-lô, tờ rời, tờ gấp có nội dung cổ động, tuyên truyền về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học, công nghệ, văn học, nghệ thuật;
5. Quảng cáo vượt quá diện tích theo quy định trên lịch blốc hoặc nội dung, hình ảnh quảng cáo trên lịch blốc không phù hợp với thuần phong mỹ tục Việt

Nam;

1. Quảng cáo trên tờ lịch blốc in ngày quốc lễ, ngày kỷ niệm lớn của đất

nước.

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
2. Quảng cáo lẫn vào nội dung hoặc làm gián đoạn nội dung của xuất bản phẩm điện tử;
3. Quảng cáo trên một trong các bìa hai, ba và bốn của xuất bản phẩm dạng sách và tài liệu không kinh doanh dạng sách, trừ trường hợp quảng cáo về tác giả, tác phẩm, nhà xuất bản và sách chuyên quảng cáo;
4. Quảng cáo trên bìa một hoặc trang nội dung của xuất bản phẩm dạng sách và tài liệu không kinh doanh dạng sách, trừ sách chuyên quảng cáo;
5. Quảng cáo tác giả, tác phẩm, nhà xuất bản hoặc biểu trưng, lô-gô, nhãn hiệu hàng hóa, sản phẩm hàng hóa, dịch vụ và hoạt động trên tài liệu không kinh doanh mà không phải của tổ chức, cá nhân xuất bản tài liệu đó.
6. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo trên các sản phẩm in là bản đồ hành chính, giấy tờ có giá, văn bằng chứng chỉ và văn bản quản lý nhà nước.
7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc tiêu hủy tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 4 Điều

này.

**Mục 3**

**HÀNH VI VI PHẠM HÀNH VỀ QUẢNG CÁO**

**TRÊN CÁC PHƯƠNG TIỆN QUẢNG CÁO**

43

**Điều 50. Vi phạm quy định về quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn, màn hình chuyên quảng cáo**

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
2. Treo, dựng, đặt, gắn mỗi bảng quảng cáo, băng-rôn không đúng vị trí đã quy hoạch hoặc vị trí đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận;
3. Không ghi rõ tên, địa chỉ của người kinh doanh dịch vụ quảng cáo trên mỗi bảng quảng cáo, băng-rôn, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 58 Nghị định này;
4. Thông báo không đúng về nội dung quảng cáo trên mỗi bảng, mỗi băng-rôn đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền nơi thực hiện quảng cáo;
5. Quảng cáo trên bảng, băng-rôn mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền nơi thực hiện quảng cáo chấp thuận sau khi thông báo nội dung quảng cáo.
6. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
7. Quảng cáo vượt diện tích quy định của bảng quảng cáo, băng-rôn tại vị trí đã quy hoạch hoặc vị trí đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận;
8. Không tự tháo dỡ bảng quảng cáo, băng-rôn đã hết hạn ghi trong thông

báo;

1. Không thông báo về nội dung quảng cáo trên mỗi bảng, mỗi băng-rôn đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền nơi thực hiện quảng cáo.
2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
3. Đặt biểu trưng, lô-gô, nhãn hiệu hàng hóa của người quảng cáo không đúng vị trí quy định trên bảng quảng cáo, băng-rôn có nội dung tuyên truyền, cổ động chính trị, chính trị - xã hội;
4. Thể hiện lô-gô, nhãn hiệu hàng hóa vượt quá diện tích theo quy định trên bảng quảng cáo, băng-rôn có nội dung tuyên truyền, cổ động chính trị, chính trị - xã hội;
5. Quảng cáo trên bảng, băng-rôn không tuân theo quy định về khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa; hành lang an toàn giao thông, đê điều, lưới điện quốc gia; che khuất đèn tín hiệu giao thông; chăng ngang qua đường giao thông, bảng chỉ dẫn công cộng;
6. Sửa đổi làm sai lệch nội dung quảng cáo đã thông báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

đ) Sử dụng giấy tờ giả mạo trong hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng, băng-rôn.

44

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo sử dụng âm thanh trên màn hình chuyên quảng cáo đặt ngoài trời.
2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng màn hình chuyên quảng cáo ngoài trời có diện tích một mặt từ 20 mét vuông trở lên mà không có giấy phép xây dựng công trình quảng cáo.
3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng biển hiệu, bảng quảng cáo có diện tích một mặt trên 20 mét vuông kết cấu khung kim loại hoặc vật liệu xây dựng tương tự gắn vào công trình có sẵn mà không có giấy phép xây dựng công trình quảng cáo.
4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng bảng quảng cáo đứng độc lập có diện tích một mặt từ 40 mét vuông trở lên mà không có giấy phép xây dựng công trình quảng cáo.
5. Biện pháp khắc phục hậu quả:
6. Buộc tháo dỡ quảng cáo đối với hành vi quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này;
7. Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi quy định tại khoản 6 Điều này;
8. Buộc tháo dỡ công trình đối với hành vi quy định tại khoản 5 và khoản 7 Điều này.

**Điều 51. Vi phạm quy định về quảng cáo làm ảnh hưởng mỹ quan, trật tự giao thông, xã hội và trên phương tiện giao thông**

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi phát tờ rơi quảng cáo làm ảnh hưởng đến mỹ quan, trật tự an toàn giao thông, xã hội.
2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 42 Nghị định này:

a) Quảng cáo tại mặt trước, mặt sau và trên nóc của một phương tiện giao

thông;

1. Quảng cáo vượt quá diện tích mỗi mặt được phép quảng cáo của một phương tiện giao thông theo quy định.
2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với người có sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được quảng cáo trên tờ rơi làm ảnh hưởng đến mỹ quan, trật tự an toàn giao thông, xã hội.
3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc tháo dỡ hoặc xóa quảng cáo đối với hành vi quy định tại khoản 2 Điều

này.

45

**Điều 52. Vi phạm quy định về quảng cáo bằng loa phóng thanh và hình thức tương tự**

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
2. Quảng cáo bằng loa phóng thanh và hình thức tương tự vượt quá độ ồn cho phép theo quy định;
3. Quảng cáo bằng loa phóng thanh và hình thức tương tự tại trụ sở cơ quan, đơn vị lực lượng vũ trang, trường học, bệnh viện;
4. Quảng cáo bằng loa phóng thanh và hình thức tương tự trên hệ thống truyền thanh phục vụ nhiệm vụ chính trị của xã, phường, thị trấn.
5. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo bằng loa phóng thanh và các hình thức tương tự khác gắn trên phương tiện giao thông và các phương tiện di động tại nội thành, nội thị của các thành phố, thị xã.
6. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại điểm a và điểm b khoản 1, khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc tháo gỡ quảng cáo đối với hành vi quy định tại điểm c khoản 1 Điều

này.

**Điều 53. Vi phạm quy định về quảng cáo trong chương trình, hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch**

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
2. Treo, đặt, dán, dựng sản phẩm quảng cáo ngang bằng hoặc cao hơn biểu trưng, lô-gô hoặc tên của chương trình văn hóa, thể thao và du lịch;
3. Thể hiện trên sản phẩm quảng cáo với khổ chữ vượt quá một phần hai khổ chữ tên của chương trình văn hóa, thể thao và du lịch.
4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
5. Quảng cáo trên khu vực sân khấu không bảo đảm mỹ quan và che khuất tầm nhìn của người xem;
6. Quảng cáo trong sân vận động, nhà thi đấu và các địa điểm diễn ra hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch mà che khuất Quốc kỳ, Quốc huy, ảnh Lãnh tụ, bảng hướng dẫn chuyên môn;
7. Quảng cáo trong sân vận động, nhà thi đấu gây cản trở hoạt động tập luyện, thi đấu, biểu diễn của vận động viên, việc chỉ đạo của huấn luyện viên và

46

việc thực hiện nhiệm vụ của Ban tổ chức, trọng tài, nhân viên hướng dẫn, nhân viên y tế, người phục vụ.

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
2. Quảng cáo mạo danh nghệ sĩ, đoàn nghệ thuật; quảng cáo không đúng nội dung đã được ghi trong giấy phép biểu diễn;
3. Dùng hình ảnh vận động viên trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự để quảng cáo;
4. Quảng cáo các môn thể thao bị cấm;
5. Quảng cáo các phương pháp huấn luyện bị cấm;

đ) Quảng cáo trái điều lệ, luật thi đấu của từng môn thể thao.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc tháo gỡ, tháo dỡ hoặc xóa quảng cáo đối với hành vi quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.

**Điều 54. Vi phạm quy định về tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo**

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không thông báo nội dung, hình thức sản phẩm quảng cáo, số lượng người tham gia đoàn người thực hiện quảng cáo; thời gian và lộ trình thực hiện của đoàn người thực hiện quảng cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định.
2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo của đoàn người thực hiện quảng cáo không đúng với thông báo đã gửi đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

**Điều 55. Vi phạm quy định về quảng cáo trong băng, đĩa phim, bản ghi âm, ghi hình**

Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo trong băng, đĩa phim, bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu, bản ghi âm, ghi hình có nội dung thay sách hoặc minh họa cho sách mà có thời lượng vượt quá tổng thời lượng nội dung chương trình theo quy định.

**Điều 56. Vi phạm quy định về biển hiệu**

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
2. Không thể hiện đầy đủ trên biển hiệu tên cơ quan chủ quản trực tiếp; tên cơ sở sản xuất kinh doanh theo đúng Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; địa chỉ, điện thoại;
3. Sử dụng biển hiệu có kích thước không đúng theo quy định, trừ trường hợp quy định tại điểm đ khoản 2 Điều này.

47

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Ghi không đúng hoặc ghi không đầy đủ tên gọi bằng tiếng Việt trên biển

hiệu;

1. Không viết bằng chữ tiếng Việt mà chỉ viết bằng chữ tiếng nước ngoài trên biển hiệu;
2. Thể hiện tên riêng, tên viết tắt, tên giao dịch quốc tế bằng chữ tiếng nước ngoài ở phía trên tên bằng chữ tiếng Việt trên biển hiệu;
3. Thể hiện tên gọi, tên viết tắt, tên giao dịch quốc tế bằng chữ tiếng nước ngoài có khổ chữ quá ba phần tư khổ chữ tiếng Việt trên biển hiệu;

đ) Chiều cao của biển hiệu dọc vượt quá chiều cao của tầng nhà nơi đặt biển

hiệu.

1. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
2. Treo, dựng, đặt, gắn biển hiệu che chắn không gian thoát hiểm, cứu hỏa;
3. Treo, dựng, đặt, gắn biển hiệu lấn ra vỉa hè, lòng đường, ảnh hưởng đến giao thông công cộng;
4. Treo, dựng, đặt, gắn biển hiệu làm mất mỹ quan.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc tháo dỡ biển hiệu đối với hành vi quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này.

**Mục 4**

**HÀNH VI VI PHẠM VỀ QUẢNG CÁO SẢN PHẨM, HÀNG HÓA, DỊCH VỤ ĐẶC BIỆT**

**Điều 57. Vi phạm các quy định về xác nhận nội dung quảng cáo đối với các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt**

1. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo các sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đặc biệt mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận nội dung trước khi thực hiện quảng cáo theo quy định.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc tháo gỡ, tháo dỡ hoặc xóa quảng cáo đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này.

**Điều 58. Vi phạm các quy định về quảng cáo thuốc**

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

48

1. Không đọc rõ ràng tên thuốc, tên hoạt chất, chống chỉ định, khuyến cáo đối với đối tượng đặc biệt và khuyến cáo “Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng” đối với quảng cáo thuốc trên báo nói, báo hình;
2. Không thể hiện đầy đủ tên thuốc; tên hoạt chất; tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm đưa sản phẩm ra thị trường và khuyến cáo “Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng” đối với quảng cáo thuốc trên phương tiện quảng cáo ngoài trời.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

1. Quảng cáo thuốc không đúng với nội dung đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận nội dung quảng cáo; quảng cáo thuốc đang trong thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ theo quy định; quảng cáo thuốc theo tài liệu thông tin quảng cáo đã đăng ký hết giá trị;
2. Quảng cáo thuốc chưa được cấp giấy đăng ký lưu hành hoặc giấy đăng ký lưu hành hết hiệu lực;
   1. Quảng cáo thuốc có nội dung không phù hợp với giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam hoặc tờ Hướng dẫn sử dụng thuốc đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc chuyên luận về loại thuốc đó đã được ghi trong Dược thư quốc gia hoặc trong các tài liệu về thuốc đã được cơ quan có thẩm quyền của nước sản xuất công nhận;
   2. Quảng cáo thuốc thiếu một trong các tài liệu sau: tên thuốc; tên hoạt chất; chỉ định, trừ các chỉ định điều trị bệnh lao, bệnh phong, bệnh lây qua đường tình dục, bệnh ung thư, bệnh khối u, bệnh đái tháo đường hoặc bệnh rối loạn chuyển hóa tương tự, chứng mất ngủ kinh niên và chỉ định mang tính kích dục; chống chỉ định hoặc khuyến cáo cho các đối tượng đặc biệt như người có thai, người đang cho con bú, người già, trẻ em, người mắc bệnh mãn tính; tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm đưa sản phẩm ra thị trường; khuyến cáo “Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng”.
3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
4. Quảng cáo sản phẩm có nội dung dùng để phòng bệnh, chữa bệnh, chẩn đoán bệnh, điều trị bệnh, giảm nhẹ bệnh, điều chỉnh chức năng sinh lý cơ thể người đối với sản phẩm không phải là thuốc, trừ trang thiết bị y tế;
5. Sử dụng chứng nhận chưa được Bộ Y tế công nhận, sử dụng lợi ích vật chất, lợi dụng danh nghĩa của tổ chức, cá nhân, các loại biểu tượng, hình ảnh, địa vị, uy tín, thư tín, thư cảm ơn để quảng cáo thuốc;
6. Sử dụng kết quả nghiên cứu lâm sàng, kết quả nghiên cứu tiền lâm sàng, kết quả kiểm nghiệm, kết quả thử tương đương sinh học chưa được Bộ Y tế công nhận để quảng cáo thuốc;

49

1. Sửa chữa, giả mạo giấy tờ pháp lý của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trong hồ sơ đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo thuốc nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

đ) Quảng cáo thuốc sau khi đã có các thay đổi nội dung dẫn đến các trường hợp phải cấp giấy xác nhận nhưng không thực hiện thủ tục cấp giấy xác nhận.

1. Biện pháp khắc phục hậu quả:
2. Buộc cải chính thông tin đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều này;
3. Buộc tháo gỡ, tháo dỡ hoặc xóa quảng cáo đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này.

**Điều 59. Vi phạm các quy định về quảng cáo mỹ phẩm**

* 1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo mỹ phẩm đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy tiếp nhận nhưng khi quảng cáo ở địa phương khác mà không thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền nơi quảng cáo biết.
  2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không đọc rõ ràng tên mỹ phẩm, tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm đưa sản phẩm ra thị trường và các cảnh báo theo quy định khi quảng cáo trên báo nói, báo hình.

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 dồng đối với một trong các hành vi sau đây:
2. Quảng cáo mỹ phẩm có tác dụng không phù hợp với công bố tính năng sản phẩm mỹ phẩm;
3. Quảng cảo mỹ phẩm khi chưa nộp hồ sơ đăng ký quảng cáo mỹ phẩm tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
4. Quảng cáo mỹ phẩm chưa được cấp số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm hoặc số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm hết thời hạn;
5. Quảng cáo mỹ phẩm thiếu một trong các nội dung sau: tên mỹ phẩm; tỉnh năng, công dụng chủ yếu của mỹ phẩm trừ trường họp tính năng, công dụng đã được thể hiện trên tên của sản phẩm; tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm đưa sản phẩm ra thị trường; các cảnh báo theo quy định.
6. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo mỹ phẩm có tác dụng như thuốc gây hiểu nhầm sản phẩm đó là thuốc.
7. Biện pháp khắc phục hậu quả:
8. Buộc cải chính thông tin đối với hành vi quy định tại điểm a và điểm d khoản 3, khoản 4 Điều này;
9. Buộc tháo gỡ, tháo dỡ hoặc xóa quảng cáo đối với hành vi quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này.

50

**Điều 60. Vi phạm các quy định về quảng cáo thực phẩm, phụ gia thực**

**phẩm**

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không đọc rõ ràng nội dung khuyến cáo “Sản phẩm này không phải là thuốc và không có tác dụng thay thế thuốc chữa bệnh” khi quảng cáo thực phẩm chức năng trên báo nói, báo hình.
2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
3. Quảng cáo thực phẩm, phụ gia thực phẩm không phù hợp với một trong các tài liệu theo quy định;
4. Quảng cáo thực phẩm, phụ gia thực phẩm thiếu một trong các nội dung: tên thực phẩm, phụ gia thực phẩm, tác dụng chính và phụ đối với thực phẩm chức năng; tên và địa chỉ tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm đưa sản phẩm ra thị trường;
5. Quảng cáo trên các thiết bị điện tử tại nơi công cộng; phát tán hoặc thuyết trình tại hội chợ, hội thảo, hội nghị, triển lãm các sản phẩm in, ghi âm, ghi hình, thiết bị lưu chứa dữ liệu giới thiệu sản phẩm thực phẩm, phụ gia thực phẩm không đúng với hồ sơ công bố hợp quy hoặc công bố phù hợp với quy định về an toàn thực phẩm hoặc hồ sơ đăng ký xác nhận nội dung quảng cáo.
6. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức hội chợ, hội thảo, hội nghị, triển lãm có phát tán hoặc thuyết trình các sản phẩm in, ghi âm, ghi hình, thiết bị lưu chứa dữ liệu giới thiệu sản phẩm thực phẩm, phụ gia thực phẩm không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận nội dung theo quy định.
7. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
8. Quảng cáo thực phẩm dưới hình thức bài viết của bác sỹ, dược sỹ, nhân viên y tế có nội dung mô tả thực phẩm có tác dụng điều trị bệnh; sử dụng thiết bị, trang phục, tên, hình ảnh, uy tín, thư tín của đơn vị, cơ sở y tế, nhân viên y tế, thư cảm ơn của bệnh nhân để quảng cáo thực phẩm;
9. Quảng cáo thực phẩm chức năng gây hiểu nhầm có tác dụng như thuốc chữa bệnh;
10. Quảng cáo thực phẩm chức năng dưới dạng liệt kê công dụng của từng thành phần của sản phẩm.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

1. Buộc cải chính thông tin đối với hành vi quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 và khoản 4 Điều này;
2. Buộc tháo gỡ, tháo dỡ hoặc xóa quảng cáo đối với hành vi quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 và khoản 4 Điều này;

51

1. Buộc thu hồi, tiêu hủy tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại điểm c khoản 2 và khoản 3 Điều này.

**Điều 61. Vi phạm các quy định về quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế**

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế có nội dung không phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.
2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế thiếu một trong các nội dung sau đây:

a) Tên hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và

y tế;

* 1. Tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm đưa sản phẩm ra thị

trường;

* 1. Tính năng, công dụng;
  2. Lời khuyến cáo: “Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng” hoặc “Hạn chế phạm vi sử dụng đối với các sản phẩm có sử dụng hóa chất trong Danh mục hạn chế sử dụng”.

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo hoặc phát hành quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế chưa có số đăng ký lưu hành do Bộ Y tế cấp.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc tháo gỡ, tháo dỡ hoặc xóa quảng cáo đối với hành vi quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.

**Điều 62. Vi phạm các quy định về quảng cáo trang thiết bị y tế**

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
2. Quảng cáo trang thiết bị y tế có nội dung không phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành, Phiếu tiếp nhận hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng hoặc Giấy phép nhập khẩu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp;

b) Không thông tin kịp thời tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền, khách hàng về các cảnh báo liên quan đến sự cố, tác dụng không mong muốn của trang thiết bị y tế.

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Quảng cáo không đúng với tính năng, tác dụng của trang thiết bị y tế;

52

1. Giấu diếm không thông tin kịp thời tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền, khách hàng về các cảnh báo liên quan đến sự cố, tác dụng không mong muốn của trang thiết bị y tế;
2. Quảng cáo mà thiếu tên, chủng loại, hãng sản xuất, nước sản xuất trang thiết bị y tế hoặc tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm đưa sản phẩm ra thị trường và tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm bảo hành sản phẩm.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

1. Buộc cải chính thông tin đối với hành vi quy định tại điểm a và điểm c khoản 2 Điều này;
2. Buộc tháo gỡ, tháo dỡ hoặc xóa quảng cáo đối với hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

**Điều 63. Vi phạm các quy định về quảng cáo sản phẩm sữa và sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ**

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo sữa có nội dung không phù hợp với Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm.
2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo sữa mà thiếu một trong các nội dung sau đây:
3. Tên sản phẩm;
4. Tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm đưa sản phẩm ra thị

trường.

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo thức ăn bổ sung dùng cho trẻ dưới 24 tháng tuổi không bảo đảm yêu cầu sau đây:
2. Phần đầu của quảng cáo phải có nội dung: "Sữa mẹ là thức ăn tốt nhất cho sức khỏe và sự phát triển toàn diện của trẻ nhỏ";
3. Nội dung quảng cáo phải nêu rõ “Sản phẩm này là thức ăn bổ sung và được ăn thêm cùng với sữa mẹ dùng cho trẻ trên 06 tháng tuổi”.
4. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng hình ảnh bào thai hoặc trẻ nhỏ trong quảng cáo sữa dùng cho phụ nữ mang thai.
5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc cải chính thông tin đối với hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều

này;

1. Buộc tháo gỡ, tháo dỡ hoặc xóa quảng cáo đối với hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này;
2. Buộc loại bỏ yếu tố vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này.

53

**Điều 64. Vi phạm các quy định về quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa**

**bệnh**

* 1. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thiếu nội dung về phạm vi hoạt động chuyên môn ghi trong Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh.
  2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành

1. sau đây:
2. Quảng cáo việc chẩn đoán giới tính thai nhi, mang thai hộ;
3. Quảng cáo, môi giới việc mua, bán bộ phận cơ thể người.
4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không đúng hoặc quá phạm vi chuyên môn được ghi trong Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh hoặc Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.
5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc tháo gỡ, tháo dỡ hoặc xóa quảng cáo đối với hành vi quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.

**Điều 65. Vi phạm các quy định về quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật, sinh vật có ích dùng trong bảo vệ thực vật**

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
2. Quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật không đúng với nội dung ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật;
3. Quảng cáo sinh vật có ích dùng trong bảo vệ thực vật không phù hợp với Giấy phép kiểm dịch thực vật.
4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
5. Quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật không có trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng ở Việt Nam;
6. Quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật, sinh vật có ích dùng trong bảo vệ thực vật thiếu một trong các nội dung: tên sản phẩm; tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm đưa sản phẩm ra thị trường, tính năng, tác dụng và những điều cần lưu ý khi sử dụng, bảo quản.
7. Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam
8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc cải chính thông tin đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này;

54

1. Buộc tháo gỡ, tháo dỡ hoặc xóa quảng cáo đối với hành vi quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.

**Điều 66. Vi phạm quy định về quảng cáo thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y, sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, giống thủy sản**

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo thuốc thú y không đúng nội dung ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành hoặc quảng cáo thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, giống thủy sản không đúng thông tin đã công bố theo quy định.
2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo thuốc thú y có trong Danh mục thuốc thú y, Danh mục chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y, Danh mục thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản cấm sử dụng tại Việt

Nam.

1. Biện pháp khắc phục hậu quả:
2. Buộc cải chính thông tin đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này;
3. Buộc tháo gỡ, tháo dỡ hoặc xóa quảng cáo đối với hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

**Điều 67. Vi phạm quy định về quảng cáo phân bón**

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo phân bón không đúng với nội dung ghi trong Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam.
2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo phân bón mà thiếu một trong các nội dung sau đây:
3. Tên phân bón;
4. Xuất xứ, nguyên liệu trong chế biến;
5. Tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm đưa sản phẩm ra thị

trường.

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.0000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo phân bón chưa có Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam.
2. Biện pháp khắc phục hậu quả:
3. Buộc cải chính thông tin đối với hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này;
4. Buộc tháo gỡ, tháo dỡ hoặc xóa quảng cáo đối với hành vi quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.

**Điều 68. Vi phạm quy định về quảng cáo thức ăn chăn nuôi**

55

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo sai sự thật về bản chất, công dụng, chất lượng, nguồn gốc, xuất xứ của thức ăn chăn nuôi.
2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo thức ăn chăn nuôi không có trong Danh mục thức ăn chăn nuôi được phép lưu hành tại Việt Nam hoặc không có văn bản xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi theo quy định.
3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo thức ăn chăn nuôi có chứa chất cấm sử dụng trong sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi theo quy định.
4. Biện pháp khắc phục hậu quả:
5. Buộc cải chính thông tin đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này;
6. Buộc tháo gỡ, tháo dỡ hoặc xóa quảng cáo đối với hành vi quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.

**Điều 69. Vi phạm các quy định về quảng cáo giống cây trồng**

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
2. Quảng cáo giống cây trồng không thuộc loài cây trồng chính khi chưa tự công bố lưu hành tại Việt Nam hoặc chưa có Quyết định công nhận lưu hành;
3. Nội dung quảng cáo giống cây trồng không đúng với nội dung trong Quyết định công nhận lưu hành, Quyết định công nhận lưu hành đặc cách, bản công bố các thông tin về giống cây trồng tự công bố lưu hành;
4. Quảng cáo giống cây trồng nhập khẩu với mục đích triển lãm, hội chợ không đúng theo nội dung giấy phép nhập khẩu giống cây trồng đã được cơ quan có thẩm quyền cấp;
5. Quảng cáo không đúng hoặc gây nhầm lẫn về khả năng kinh doanh của tổ chức, cá nhân kinh doanh giống về số lượng, chất lượng, giá, công dụng, bao bì, nhãn hiệu, xuất xứ, chủng loại, thời hạn bảo hành của giống cây trồng.
6. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo giống cây trồng thuộc loài cây trồng chính không có Quyết định công nhận lưu hành hoặc Quyết định công nhận lưu hành đặc cách hoặc không có trong Danh mục giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh ở Việt Nam hoặc Quyết định công nhận giống cây trồng mới.
7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc tháo gỡ, tháo dỡ hoặc xóa quảng cáo đối với hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

**Điều 70. Vi phạm các quy định về quảng cáo giống vật nuôi**

56

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo giống vật nuôi không có trong Danh mục giống vật nuôi được phép sản xuất, kinh doanh hoặc chưa được công nhận chính thức.
2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo giống vật nuôi không có một trong các nội dung: tên giống vật nuôi; tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm đưa giống vật nuôi ra thị trường.
3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc tháo gỡ, tháo dỡ hoặc xóa quảng cáo đối với hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

**Chương IV**

**THẨM QUYỀN XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ TRONG LĨNH VỰC VĂN HÓA VÀ QUẢNG CÁO**

**Điều 71. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính**

1. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định từ Điều 72 đến Điều 79 Nghị định này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
2. Trưởng đoàn kiểm tra, công chức được giao nhiệm vụ kiểm tra, xác minh về văn hóa và quảng cáo có quyền lập biên bản vi phạm hành chính và chuyển hồ sơ vi phạm hành chính đến người có thẩm quyền xử phạt để tiến hành xử phạt theo quy định của pháp luật.
3. Chỉ huy tàu bay, trưởng tàu, thuyền trưởng đang thi hành nhiệm vụ theo chức năng, quyền hạn được giao thuộc lĩnh vực văn hóa và quảng cáo có quyền lập biên bản vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm xảy ra trên tàu bay, tàu biển và phương tiện thủy nội địa.

**Điều 72. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền: a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng;

1. Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;
2. Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 4 Nghị định này.
3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền: a) Phạt cảnh cáo;

57

1. Phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa; phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quảng cáo;
2. Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
3. Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định

này.

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền: a) Phạt cảnh cáo;
2. Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa; phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quảng cáo;
3. Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
4. Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định

này.

**Điều 73. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan thanh**

**tra**

1. Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành đang thi hành công vụ có quyền:
2. Phạt cảnh cáo;
3. Phạt tiền đến 500.000 đồng;
4. Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;
5. Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 4 Nghị định này.
6. Chánh Thanh tra cấp sở, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành cấp sở; Chánh Thanh tra Cục Hàng không, Chánh Thanh tra Cục Hàng hải, Chi cục trưởng Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm thuộc Sở Y tế, Chi cục trưởng Chi cục bảo vệ thực vật, thú y, thủy sản, quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản, thủy lợi, đê điều, lâm nghiệp, phát triển nông thôn thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Trung tâm Tần số khu vực có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

58

1. Phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hoá; phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quảng cáo;
2. Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
3. Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định

này.

1. Trưởng Đoàn thanh tra chuyên ngành cấp bộ có quyền:
   1. Phạt cảnh cáo;
2. Phạt tiền đến 35.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hoá; phạt tiền đến 70.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quảng cáo;
3. Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
4. Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định

này.

1. Chánh Thanh tra cấp bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục đường bộ Việt Nam, Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi, Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường, Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý đất đai, Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Cục trưởng Cục Thú y, Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật, Cục trưởng Cục Trồng trọt, Cục trưởng Cục Chăn nuôi, Cục trưởng Cục Tần số vô tuyến điện, Cục trưởng Cục Viễn thông, Cục trưởng Cục Phát thanh, Truyền hình và Thông tin điện tử, Cục trưởng Cục Báo chí, Cục trưởng Cục Xuất bản, In và Phát hành, Cục trưởng Cục Quản lý dược, Cục trưởng Cục Quản lý khám, chữa bệnh, Cục trưởng Cục Quản lý môi trường y tế, Cục trưởng Cục Y tế dự phòng, Cục trưởng Cục An toàn vệ sinh thực phẩm có quyền:
2. Phạt cảnh cáo;
3. Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa; phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quảng cáo;
4. Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
5. Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

59

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định

này.

**Điều 74. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Công an nhân**

**dân**

Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả của Công an nhân dân thực hiện theo quy định tại Điều 39 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

**Điều 75. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Bộ đội biên phòng**

1. Chiến sĩ Bộ đội biên phòng đang thi hành công vụ có quyền: a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.

1. Trạm trưởng, Đội trưởng của người được quy định tại khoản 1 Điều này có quyền:
2. Phạt cảnh cáo;
3. Phạt tiền đến 2.500.000 đồng.
4. Đồn trưởng Đồn biên phòng, Hải đội trưởng Hải đội biên phòng, Chỉ huy trưởng Tiểu khu biên phòng, Chỉ huy trưởng biên phòng Cửa khẩu cảng có quyền:
5. Phạt cảnh cáo;
6. Phạt tiền đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa; phạt tiền đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quảng cáo;
7. Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;
8. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các khoản 1, 3, 8, 9,10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17 và 18 Điều 4 Nghị định này.
9. Chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng cấp tỉnh, Chỉ huy trưởng Hải đoàn biên phòng trực thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng có quyền:
10. Phạt cảnh cáo;
11. Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa; phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quảng cáo;
12. Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
13. Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các khoản 1, 3, 8, 9,10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17 và 18 Điều 4 Nghị định này.

60

**Điều 76. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Cảnh sát biển**

1. Cảnh sát viên Cảnh sát biển đang thi hành công vụ có quyền: a) Phạt cảnh cáo;
2. Phạt tiền đến 1.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa; phạt tiền đến 1.500.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quảng cáo;
3. Tổ trưởng Tổ nghiệp vụ Cảnh sát biển có quyền: a) Phạt cảnh cáo;
4. Phạt tiền đến 2.500.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa; phạt tiền đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quảng cáo;
5. Đội trưởng Đội nghiệp vụ Cảnh sát biển, Trạm trưởng Trạm Cảnh sát biển có quyền:
6. Phạt cảnh cáo;
7. Phạt tiền đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa; phạt tiền đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quảng cáo;
8. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 4 Nghị định này.
9. Hải đội trưởng Hải đội Cảnh sát biển có quyền: a) Phạt cảnh cáo;
10. Phạt tiền đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa; phạt tiền đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quảng cáo;
11. Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;
12. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các khoản 1, 3, 8, 9,10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17 và 18 Điều 4 Nghị định này.
13. Hải đoàn trưởng Hải đoàn Cảnh sát biển có quyền: a) Phạt cảnh cáo;
14. Phạt tiền đến 15.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa; phạt tiền đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quảng cáo;
15. Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;
16. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các khoản 1, 3, 8, 9,10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17 và 18 Điều 4 Nghị định này.

61

1. Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển có quyền: a) Phạt cảnh cáo;
2. Phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa; phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quảng cáo;
3. Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;
4. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các khoản 1, 3, 8, 9,10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17 và 18 Điều 4 Nghị định này.
5. Tư lệnh Cảnh sát biển có quyền: a) Phạt cảnh cáo;
6. Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa; phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quảng cáo;
7. Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
8. Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các khoản 1, 3, 8, 9,10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17 và 18 Điều 4 Nghị định này.

**Điều 77. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Hải quan**

1. Công chức Hải quan đang thi hành công vụ có quyền: a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.

1. Đội trưởng thuộc Chi cục Hải quan, Đội trưởng thuộc Chi cục kiểm tra sau thông quan có quyền:
2. Phạt cảnh cáo;
3. Phạt tiền đến 5.000.000 đồng.
4. Chi cục trưởng Chi cục Hải quan, Chi cục trưởng Chi cục kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội kiểm soát thuộc Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu, Đội trưởng Đội thủ tục Hải quan, Hải đội trưởng Hải đội kiểm soát trên biển và Đội trưởng Đội kiểm soát bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ thuộc Cục điều tra chống buôn lậu Tổng cục Hải quan có quyền:
5. Phạt cảnh cáo;
6. Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

62

1. Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;
2. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các khoản 1, 7, 8, 9,10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17 và 18 Điều 4 Nghị định này.
3. Cục trưởng Cục điều tra chống buôn lậu, Cục trưởng Cục kiểm tra sau thông quan thuộc Tổng cục Hải quan, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có quyền:
4. Phạt cảnh cáo;
5. Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;
6. Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
7. Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các khoản 3, 7, 8, 9,10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17 và 18 Điều 4 Nghị định này.

1. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan có quyền: a) Phạt cảnh cáo;
2. Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa; phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quảng cáo;
3. Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
4. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các khoản 3, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17 và 18 Điều 4 Nghị định này.

**Điều 78. Thẩm quyền của Quản lý thị trường**

1. Kiểm soát viên thị trường đang thi hành công vụ có quyền: a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng;

1. Đội trưởng Đội Quản lý thị trường có quyền:
2. Phạt cảnh cáo;
3. Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;
4. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6,

7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17 và 18 Điều 4 Nghị định này.

1. Cục trưởng Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh, Cục trưởng Cục nghiệp vụ quản lý thị trường trực thuộc Tổng cục Quản lý thị trường có quyền:
2. Phạt cảnh cáo;
3. Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

63

1. Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có

thời hạn;

1. Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các khoản 1, 3, 4,

5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17 và 18 Điều 4 Nghị định này.

1. Tổng cục trưởng Tổng Cục Quản lý thị trường có quyền: a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa; phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quảng cáo;

1. Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có

thời hạn;

1. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6,

7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17 và 18 Điều 4 Nghị định này.

**Điều 79. Phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Bộ đội biên phòng, Cảnh sát biển, Hải quan, Quản lý thị trường và Thanh tra**

* 1. Những người có thẩm quyền xử phạt của Bộ đội biên phòng có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm đ khoản 6 Điều 23; Điều 39; các điểm a, b và c khoản 2, các khoản 3, 4, 5 và 6 Điều 40; điểm a và điểm b khoản 1 Điều 41; Điều 42; Điều 43; Điều 51; điểm d khoản 2 Điều 58; điểm d khoản 3 Điều 59; điểm a khoản 2 Điều 62; khoản 2 Điều 67; khoản 1 Điều 68; điểm d khoản 1 Điều 69 và khoản 2 Điều 70 Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 75 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
  2. Những người có thẩm quyền xử phạt của Cảnh sát biển có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi

1. phạm hành chính quy định tại điểm đ khoản 6 Điều 23; Điều 39; các điểm a, b và c khoản 2, các khoản 3, 4, 5 và 6 Điều 40; điểm a và điểm b khoản 1 Điều 41; Điều 42; Điều 43; Điều 51; điểm d khoản 2 Điều 58; điểm d khoản 3 Điều 59; điểm a khoản 2 Điều 62; khoản 2 Điều 67; khoản 1 Điều 68; điểm d khoản 1 Điều 69 và khoản 2 Điều 70 Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 76 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
   1. Những người có thẩm quyền xử phạt của cơ quan Hải quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm đ khoản 6 Điều 23; Điều 39; các điểm a, b và c khoản 2, các khoản 3, 4, 5 và 6 Điều 40; điểm a và điểm b khoản 1 Điều 41; Điều 42; Điều 43; Điều 51; điểm d khoản 2 Điều 58; điểm d khoản 3 Điều 59; điểm a khoản 2 Điều 62; khoản 2 Điều 67; khoản 1 Điều 68; điểm d khoản 1 Điều 69 và khoản 2 Điều 70 Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 77 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

64

* 1. Những người có thẩm quyền xử phạt của Quản lý thị trường có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại các điều 7, 8, khoản 4 và khoản 5 Điều 9; điểm a và điểm c khoản 1, các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 12; Điều 13; Điều 14; Điều 37; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 19; điểm d khoản 6 Điều 23; Điều 39; điểm a khoản 3, điểm b khoản 4, các điểm a, b và c khoản 5 Điều 40; điểm a và điểm b khoản 1 Điều 41; Điều 42; Điều 43; Điều 58, 59, 60, 61, 62, 63, 64, 65, 66, 67, 68, 69 và 70 Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 78 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
  2. Những người có thẩm quyền xử phạt của Thanh tra có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi

1. phạm hành chính quy định tại Nghị định này như sau:
2. Những người có thẩm quyền xử phạt của Thanh tra Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thanh tra Văn hóa và Thể thao có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II và Chương III Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 73 Nghị định này;
3. Những người có thẩm quyền xử phạt của Thanh tra Thông tin và Truyền thông có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 5 Điều 8; Mục 1, Mục 2 và Mục 4 Chương III Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 73 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao;
4. Những người có thẩm quyền xử phạt của Thanh tra Y tế có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại các Điều 42, 57, 58, 59, 60, 61, 62, 63 và 64 Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 73 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao;
5. Những người có thẩm quyền xử phạt của Thanh tra Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi quảng cáo trên bảng, băng - rôn không tuân theo quy định về khu vực đê điều tại điểm c khoản 3 Điều 50; hành vi quy định tại các Điều 65, 66, 67, 68, 69 và 70 Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 73 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

đ) Những người có thẩm quyền xử phạt của Thanh tra Xây dựng có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 3 Điều 22; hành vi treo, đặt, dán, vẽ các sản phẩm quảng cáo trên cây xanh nơi công cộng tại khoản 1 Điều 40; các khoản 5, 6 và 7 Điều 50 Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 73 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

1. Những người có thẩm quyền xử phạt của Thanh tra Giao thông vận tải có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 37; điểm b khoản 2 Điều 40;

65

điểm d khoản 2 Điều 42; hành vi quảng cáo trên bảng, băng - rôn không tuân theo quy định về khu vực hành lang an toàn giao thông; che khuất đèn tín hiệu giao thông; chăng ngang đường giao thông quy định tại điểm c khoản 3 Điều 50; Điều 51; khoản 2 Điều 52 và điểm b khoản 3 Điều 56 Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 73 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

1. Những người có thẩm quyền xử phạt của Thanh tra Lao động - Thương binh và Xã hội có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 49 Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 73 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

h) Những người có thẩm quyền xử phạt của Thanh tra Tài nguyên và Môi trường có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm b khoản 6 Điều 23; điểm a khoản 1 Điều 52 Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 81 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

**Chương V**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 80. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.
2. Nghị định số 158/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo; Điều 2 Nghị định số 28/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 131/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan và Nghị định số 158/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo; Nghị định số 88/CP của Chính phủ ngày 14 tháng 12 năm 1995 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong các hoạt động văn hóa, dịch vụ văn hóa và phòng chống tệ nạn xã hội và Nghị định số 56/2006/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động văn hóa-thông tin hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

**Điều 81. Quy định chuyển tiếp**

1. Đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo xảy ra trước khi Nghị định này có hiệu lực mà sau đó mới bị phát hiện hoặc đang xem xét, giải quyết thì áp dụng các quy định có lợi cho tổ chức, cá nhân vi phạm.
2. Đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã được ban hành hoặc đã được thi hành xong trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành mà cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc cá nhân bị áp dụng biện pháp xử

66

lý hành chính còn khiếu nại thì áp dụng quy định của Nghị định số [158/2013/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-103-2013-nd-cp-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-hoat-dong-thuy-san-206994.aspx) ngày 12 tháng 11 năm 2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo; Nghị định số [28/2017/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/vi-pham-hanh-chinh/nghi-dinh-41-2017-nd-cp-sua-doi-xu-phat-hanh-chinh-thuy-san-thu-y-giong-vat-nuoi-thuc-an-chan-nuoi-345595.aspx) ngày 20 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [131/2013/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/vi-pham-hanh-chinh/nghi-dinh-64-2018-nd-cp-quy-dinh-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-trong-linh-vuc-giong-vat-nuoi-381472.aspx) ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan và Nghị định số [158/2013/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-103-2013-nd-cp-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-hoat-dong-thuy-san-206994.aspx) ngày 12 tháng 11 năm 2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo.

**Điều 82. Trách nhiệm hướng dẫn thi hành**

1. Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan hướng dẫn, tổ chức thực hiện Nghị định này.
2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**Nơi nhận:**

* Ban Bí thư Trung ương Đảng;
* Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
* Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
* Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
* Văn phòng Tổng Bí thư;
* Văn phòng Chủ tịch nước;
* Hội đồng Dân tộc và các Uỷ ban của Quốc hội;
* Văn phòng Quốc hội;
* Văn phòng Chính phủ;
* Tòa án nhân dân tối cao;
* Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
* Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
* Kiểm toán Nhà nước;
* Các cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
* HĐND, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
* Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội VHNTVN;
* Các hội VHNT Trung ương;
* Hội VHNT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
* VPCP:BTCN, các PCN, TLBT, Công báo, Cổng

TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc VPCP;

* Lưu: VT, KGVX (5b).....

**TM. CHÍNH PHỦ**

**THỦ TƯỚNG**

**Nguyễn Xuân Phúc**

67